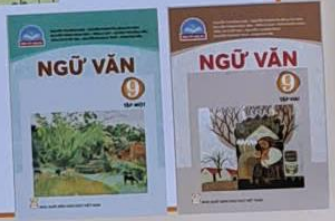
CÁC BỘ SÁCH GIÁO KHOA NGỮ VĂN LỚP 9 VÀ 12
CỦA NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM



NGỮ VĂN 9 (2 tập)
Kết nối tri thức với cuộc sống



NGỮ VĂN 9
(2 tập)
Chân trời sáng tạo



NGỮ VĂN 12
(2 tập)
Kết nối tri thức với cuộc sống



NGỮ VĂN 12
(2 tập)
Chân trời sáng tạo

Văn học và TUỔI TRẺ

TẠP CHÍ Toán học & Văn học

TRONG SỐ NÀY

Số tháng 9 (552+553) năm 2024

CHÂN DUNG VĂN HỌC

Nhà thơ của hồn quê, tình quê thiết tha, sâu thẳm
PGS.TS. Lê Quang Hưng 3

Nhà văn Bảo Ninh: Chiến tranh là đề tài văn học tuyệt hay...
Trần Hoàng Thiên Kim thực hiện 9

Đọc để hiểu, hiểu để đọc với "Nhớ mùa thu Hà Nội" của Trịnh Công Sơn
TS. Lê Hồng Mai 14

Bản hoà ca tâm hồn qua *Tiếng đàn mưa*
ThS. Trần Thị Vân 20

Truyện ngắn "Tên cờm và bản thánh ca" của O' Henry...
TS. Nguyễn Thị Thu Trang 25

Khái quát về thể loại truyện trinh thám
ThS. Nguyễn Phước Bảo Khôi 30

Mạn đàm về chữ "lục" 绿 trong văn học trung đại
PGS.TS. Dương Tuấn Anh 34

CT&SGK

Xác định điểm nhìn trần thuật khi đọc hiểu văn bản truyện
ThS. Trần Lê Duy 41

Cần sự hài hoà giữa yếu tố khách quan và chủ quan trong bài văn/đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ
PGS.TS. Nguyễn Văn Tùng 46

Đề thi chọn học sinh giỏi lớp 9 – môn Ngữ văn (Thừa Thiên Huế)
ThS. Tôn Nữ Quỳnh My 54

Đề thi chọn học sinh giỏi lớp 12 – môn Ngữ văn (TP. Hồ Chí Minh)
ThS. Trần Tiến Thành 58

Chùm gửi biển
Nguyễn Thị Mây 64

VUI HỌC NGỮ VĂN

Vui học Ngữ văn 72

Đố thi Câu lạc bộ Văn – Toán tuổi thơ toàn quốc 2024 77

Tác phẩm đạt giải Cuộc thi viết "Ươm mầm văn học" đợt 1 89

Những con đường làm giàu trí tuệ...; Tình mẫu tử
Nguyễn Kim Anh; Nguyễn Ngọc Quỳnh Trang 114

Mời độc giả đặt mua ấn phẩm tại Bưu điện gần nhất theo mã **C668**

TOÁN HỌC VÀ VĂN HỌC TRONG NHÀ TRƯỜNG
Journal of Mathematics and Literature in School
TẠP CHÍ CỦA VIỆN NGHIÊN CỨU SÁCH VÀ HỌC LIỆU GIÁO DỤC

CHỊU TRÁCH NHIỆM XUẤT BẢN
Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Tổng Giám đốc NXBGDVN
NGUYỄN TIẾN THANH
Tổng biên tập NXBGDVN
PHẠM VĨNH THÁI
Viện trưởng Viện NC Sách & HLGD
PHAN XUÂN THÀNH

TỔ CHỨC BẢN THẢO VÀ CHỊU TRÁCH NHIỆM NỘI DUNG
Phó Tổng biên tập NXBGDVN
PGS.TS. NGUYỄN VĂN TÙNG
Phó Tổng biên tập Tạp chí
TS. LÊ HỒNG MAI

HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP
Nhà văn Tạ Duy Anh
GS. TS. Lê Huy Bắc
PGS. TS. Phan Huy Dũng
PGS.TS. Nguyễn Đăng Điệp
PGS.TS. Bùi Mạnh Hùng
PGS.TS. Lê Quang Hưng
Nhà thơ Trần Đăng Khoa
PGS. TS. Trịnh Thị Lan
GS. Nguyễn Khắc Phi
GS. TS. Trần Đình Sử
ThS. Trần Tiến Thành
PGS. TS. Nguyễn Thành Thi
Nhà thơ Nguyễn Quang Thiều
Nhà báo Thân Thị Phương Thu

TỔNG BIÊN TẬP
TS. Trần Hữu Nam

PHÓ TỔNG BIÊN TẬP
TS. Lê Hồng Mai
Trần Thị Kim Cương

THƯ KÍ TOÀ SOẠN
Hồ Quang Vinh

BIÊN TẬP
Lê Hồng Mai
Nguyễn Thị Lan
Nguyễn Hồng Nhung

BÌA – MINH HOẠ
Kim Duẩn – minh hoạ, maket
Lê Huy – hình ảnh bìa 1, 3, 4

PHÁT HÀNH
Trần Minh Hiền (Trưởng phòng)

HÀNH CHÍNH – TỔNG HỢP
Hoàng Kim Phượng (Trưởng phòng)

TOÀ SOẠN
187B Giảng Võ, P. Cát Linh, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội
Điện thoại – Email
* Biên tập: 0243.5122847
vanhocvatuoitre2020@gmail.com
* Phát hành: 0243.5142649
phathanhvantre@gmail.com
* Hành chính: 0243.5121606

GPXB số 534/GP - BTTTT ngày 19/11/2020.
In tại Xí nghiệp bản đồ I – Bộ Quốc phòng
In xong và nộp lưu chiểu tháng 9/2024.

8 (V) / GD - 24 354/GP - BTTT Mã số: **BV12M24**



Nhà thơ Nguyễn Bính
(1918 – 1966)

VĂN HỌC CHÂN DUNG

Nhà thơ của hồn quê, tình quê thiết tha, sâu thẳm

PGS.TS. Lê Quang Hưng

Trong *Thi nhân Việt Nam*, Hoài Thanh đã cảm nhận thật đúng rằng: *"Nguyễn Bính đã đánh thức người nhà quê vẫn ẩn náu trong lòng chúng ta"*[1]. Ở cái xứ văn minh nông nghiệp ngàn đời này, ai chẳng gốc gác, nguồn cội từ một miền quê và ai dám bảo rằng trong mình không có một chút con người nhà quê dẫu đang sống ở không gian nào, đang làm nghề nghiệp gì? Cái hồn vía dân tộc cứ phảng phất khắp các bài thơ Nguyễn Bính, cứ toát lên từ bao mong ước hồn nhiên muôn thuở và bao nỗi u buồn dở dang muôn thuở mà tiếng thơ ông diễn tả một cách tài tình.

1. HOÁ THÂN VÀO THẾ GIỚI CON NGƯỜI NHÀ QUÊ

Trong phong trào Thơ mới 1932 – 1945, có hẳn một dòng thơ về làng quê. Đoàn Văn Cừ là nhà thơ của những sinh hoạt văn hoá thôn quê với thế giới con người thường đông vui cùng những cảnh vật, sắc màu phong phú, tươi tắn. Anh Thơ là nữ sĩ của cảnh quê, của những bức tranh quê với ngòi bút tả chân hiền lành song cũng không ít khi thiết tha, tình tế. Bàng Bá Lân hay tả cảnh sinh hoạt, cảnh lao động

thường ngày vất vả mà giàu chất thơ của dân quê... Còn Nguyễn Bính thì ít tả cảnh, không nhằm tả cảnh. Với ông, cảnh hay chuyện chỉ là cái nền, là phương tiện để đi vào thế giới bên trong của con người, để cất lên mong ước và nỗi đau thầm lặng, giải toả những ẩn ức. Dẫu dài hay ngắn, phần nhiều những bài thơ của Nguyễn Bính mang dáng dấp một câu chuyện kể. Ở đó có sự kết hợp hài hoà giữa "sự" với "tình", "sự" thành nền để nảy "tình", "tình" men theo "sự" mà bộc lộ.

Một nghệ sĩ lớn thường biết sống với nhiều cuộc đời, trong nhiều cảnh huống, thân phận. Ít ai hoá thân vào thế giới con người nhà quê thuở ấy sâu sắc, tài tình như Nguyễn Bính. Bài *Lòng mẹ* được ông viết năm 1936 – khi ông mười tám tuổi. Sao chàng thanh niên tuổi mười tám lại có thể thấu hiểu nỗi lòng người mẹ ở buổi cho con gái đi lấy chồng đến thế? Rồi người chị "lỡ bước sang ngang" tâm tình cùng người em gái *(Lỡ bước sang ngang)*: *"Trời mưa ướt áo làm gì/ Năm mười bảy tuổi chị đi lấy chồng/ Người ta pháo đỏ rượu hồng/ Mà trên hõm chị một vòng hoa tang"*. Đây là nỗi hận đau bởi tình duyên lỡ dở:

Mười năm gối hận bên giường,
Mười năm nước mắt bữa thường thay canh
Mười năm đưa đám một mình,
Đào sâu chôn chặt mối tình đầu tiên
Mười năm lòng lạnh như tiền,
Tìm đi hết mấu cái duyên không về.

Còn đây là sự hồi sinh tâm hồn khi bỗng gặp được tình yêu:

Rồi... rồi... chị nói sao đây!
Em ơi, nói nhỏ câu này với em...
Thế rồi máu chảy về tim,
Duyên làm lành chị duyên tìm về môi.
Chị nay lòng ấm lại rồi,
Mối tình chết đã có người hồi sinh.
Chị từ dan díu với tình,
Đời tươi như buổi bình minh nạm vàng.

Tìm ai khắc một chữ "nàng",
Mà tìm chị một chữ "chàng" khắc theo...

Viết thế, chẳng trách gì bao nhiêu người phụ nữ đã thốn thức cùng tiếng thơ *"Lỡ bước sang ngang"* của Nguyễn Bính! Rồi cô lái đò đành *"Bỏ thuyền, bỏ lái, bỏ dòng trong"* lỗi hẹn với tình quân *(Cô lái đò)*, người thiếu nữ *"Lòng trẻ còn như cây lụa trắng"*, *"Em mải tìm anh chả thiết xem"* trong đêm đám hát thôn Đoài và *"Mình em lấm lụi trên đường về"* trong *Mưa xuân*. Nào là những chàng trai thiết tha nâng giữ vẻ đẹp *"chân quê"* khi *"Hôm qua em đi tỉnh về/ Hương đồng gió nội bay đi ít nhiều"* *(Chân quê)*, hay hờn dỗi, trách móc xa xôi trong *Tương tư*, không dám sang nhà *"người hàng xóm"* mà gửi lòng nhớ thương qua *"con bướm bướm trắng"* *(Người hàng xóm)*... Nguyễn Bính là thế – dường như được sinh ra để làm thơ về nỗi xa cách, phận lỡ làng. Trừ đôi nhân vật sống trong thế giới êm đềm của cổ tích như người vợ trẻ trong *Thời trước*, thiếu nữ trong *Chờ nhau*, nhân vật trữ tình trong thơ Nguyễn Bính chẳng mấy ai được trọn vẹn niềm vui, được toại nguyện trong cuộc đời. Hầu hết đó là những con người ở trong cảnh ngộ éo le, chịu phận dở dang, lỡ làng. Điều đáng thương chính ở phận hẩm duyên hiu là thế, buồn khổ là thế nhưng họ không biết nói cùng ai hoặc không nỡ nói với ai. Đó là những con người đành nuốt nước mắt vào trong. Chính vì thế, thơ Nguyễn Bính là nỗi u buồn trầm lặng, là nhịp chày giã gạo đều đều những đêm khuya. Trong dàn đồng ca đa cung bậc của Thơ mới, nếu Xuân Diệu là tiếng kèn Tây lảnh lói thì Nguyễn Bính là điệu đàn bầu nỉ non. *"Đàn bầu ai gẩy chờ nghe/ Làm thân con gái chờ nghe đàn bầu"* – Không biết bao nhiêu thân con gái đã thốn thức với tiếng đàn bầu Nguyễn Bính! Trên những bước đường giang hồ, trong cuộc sống nay đây mai đó của mình, chàng thi sĩ này luôn cặp kè bên mình cái hộp sắt tây màu đỏ lựu. Đó là cái hộp đựng những trang bản thảo thơ, những bức thư của bạn đọc khắp nơi – phần lớn là của người phụ nữ – gửi cho mình. Đủ thấy thơ Nguyễn Bính đã khơi dậy cái hồn quê, tình quê thiết tha, sâu thẳm ở đông đảo bạn đọc như thế nào.

2. TÌNH YÊU THA THIẾT VỚI QUÊ HƯƠNG

Nguyễn Bính hoá thân vào thế giới con người nhà quê sâu sắc, tài tình đến thế, song nhìn lại tiểu sử ông, ta thấy điều khá lạ: thời gian Nguyễn Bính ở làng quê thật không nhiều vì mồ côi mẹ quá sớm (lúc Nguyễn Bính chưa đầy bốn tháng tuổi), cảnh nhà lại túng thiếu nên thuở nhỏ, Nguyễn Bính học ở nhà với cha là ông đồ Nguyễn Đạo Bình. Về sau, ông được người cậu ruột là Bùi Trình Khiêm (một người đã tham gia Đông Kinh Nghĩa Thục, từng bị chính quyền thực dân đưa về quản thúc ở quê) nuôi dạy. Khi khoảng mười ba tuổi, Nguyễn Bính đã phải rời quê, theo người anh cả Nguyễn Mạnh Phác ra Hà Nội, Hà Đông kiếm sống. Cuộc đời lưu lạc bắt đầu từ đó – phố phường Hà Nội, rồi lên Bắc, vào miền Trung, miền Nam... Sống qua nhiều miền, lăn lóc khắp những nẻo đường sương gió với mấu giang hồ vật, thế mà thật lạ, hồn quê, tình quê cứ in đậm, cứ phảng phất hấu khắp các bài thơ Nguyễn Bính, làm nên cái da diết của tiếng thơ ông. Phải chăng,



"Con người anh trông lôm lam lấm. Tay chân thô nhám quềnh quàng, lúc nào cũng lừ đừ thủng thỉnh, như "ông từ vào đền", như người thong thả đi giữa làng. Lại lam lũ như vừa lướt mướt từ đồng sâu mò lên, dấu cho anh đương mũ áo chững chạc trên đường phố. Khi nào anh cũng là người của các xứ đồng, của cái diều bay, của dây hoa lí, của mưa thưa, mưa bụi giữa mọi công việc làm ăn vất vả sương nắng. Bởi đấy là cốt lõi cuộc đời và tâm hồn thơ Nguyễn Bính. Quê hương là tất cả, mà cũng là nơi in đậm dấu vết đời mình..."

(Chia sẻ của nhà văn Tô Hoài về người bạn thân thiết Nguyễn Bính)

cái gì đã là thiên định, tiền định rồi thì trở thành hồn cốt không thể dứt ra được? Hãy xem Tô Hoài, một người bạn thân thiết với Nguyễn Bính, miêu tả chân dung thi sĩ này: *"Con người anh trông lôm lam lấm. Tay chân thô nhám quềnh quàng, lúc nào cũng lừ đừ thủng thỉnh, như "ông từ vào đền", như người thong thả đi giữa làng. Lại lam lũ như vừa lướt mướt từ đồng sâu mò lên, dấu cho anh đương mũ áo chững chạc trên đường phố. Khi nào anh cũng là người của các xứ đồng, của cái diều bay, của dây hoa lí, của mưa thưa, mưa bụi giữa mọi công việc làm ăn vất vả sương nắng. Bởi đấy là cốt lõi cuộc đời và tâm hồn thơ Nguyễn Bính. Quê hương là tất cả, mà cũng là nơi in đậm dấu vết đời mình..."*[2]. Nỗi nhớ thương, niềm khao khát trong cuộc đời lắm truân chuyên được Nguyễn Bính gửi trọn trong những vần thơ về làng quê. *"Chỉ có quê hương mới tạo được từng chữ từng câu Nguyễn Bính. Trên chặng đường ngót nửa thế kỉ đời thơ, mỗi khi những gần bó mồ hôi nước mắt kia đầm lên, ngậy ngất nhớ thương, day dứt không thể yên, khi ấy xuất hiện những bài thơ tình quê tuyệt vời của Nguyễn Bính"*[3]. Trong thơ Nguyễn Bính thời kì trước Cách mạng tháng Tám năm 1945 có một cái tôi tha hương thường day dứt trong cảm nhận tuổi trẻ phí hoài, công danh không thành, tài năng lỡ dở. Những năm tháng hoà trong gió bụi kinh thành, dấn bước trên con đường giang hồ mịt mờ sương gió, cái tôi ấy cứ tha thiết nhớ về quê hương như một chốn thanh bình, yên ả, cứ hồi tưởng bao kỉ niệm đẹp mà lúc này mình đang là kẻ vong thân, lỗi đạo (*Hoa với rượu, Thôn Vân quê ngoại, Bắt gặp mùa thu, Thư gửi thầy mẹ,...*).

Việc nhập thân vào những lớp người thôn quê với những câu chuyện và tâm tình như trên khiến thế giới nghệ thuật thơ Nguyễn Bính đầy ắp sự việc và phong phú nhân vật.

3. DẤU ẤN VĂN HOÁ DÂN GIAN

Nguyễn Bính đã thổ lộ cho người dân quê bao nỗi khổ đau, bao thốn thức, ước muốn bằng lối nói mộc mạc mà thiết tha, tình tứ của ca dao, dân ca. Ta có thể bắt gặp trong nhiều khổ thơ, bài thơ của Nguyễn Bính các lối phú, tỉ, hứng của ca dao. Tuyệt đại đa số những bài thơ của Nguyễn Bính được viết theo hai thể truyền thống quen thuộc là lục bát, bảy chữ và trong đó có rất nhiều những hình ảnh mang tính ước lệ, biểu tượng của dân gian: *thôn Đoài, thôn Đông, dòng sông, con đò, bến nước, đầu đình, giàn trầu, hàng cau, mái gianh, vườn dâu, hoa khuê các, bướm giang hồ,...* Sự xuất hiện nhiều từ ngữ chỉ thời gian mang tính ước lệ (*hôm qua, cái ngày, năm xưa, bữa ấy*) cũng khiến các câu chuyện trong thơ Nguyễn Bính đậm sắc màu cổ tích, lời thơ đậm chất ca dao:

Hôm qua em đi tỉnh về...
(Chân quê)
Cái ngày cô chưa có chồng...
(Qua nhà)
Năm xưa chở chiếc thuyền này...
(Giấc mơ anh lái đò)
Bữa ấy mưa xuân phơi phới bay...
(Mưa xuân)

Trong *Thi nhân Việt Nam*, Hoài Thanh từng bộc lộ ý nghĩ: *"Giá Nguyễn Bính sinh ra thời trước, tôi chắc người đã làm những câu ca dao mà dân quê vẫn hát quanh năm..."*. Nguyễn Bính làm thơ thật nhanh, ngòi bút nhiều khi trôi đi như thật dễ. Nhưng đó là cái dễ trời cho (mà lại chỉ cho riêng Nguyễn Bính!). Không tầm hồn trong nền văn hoá nông nghiệp phương Đông, làm sao viết được những câu thơ có vẻ dễ như lời nói mà lại mềm dịu, duyên thế này:

Lăng giềng đã đỏ đèn đâu
Chờ em chừng dập miếng giầu em sang
...
Em nghe họ nói mong manh,
Hình như họ biết chúng mình... với nhau.
(Chờ nhau)

Hai thôn chung lại một làng,
Cớ sao bên ấy chẳng sang bên này?
Ngày qua ngày lại qua ngày,
Lá xanh nhuộm đã thành cây lá vàng.
(Tương tư)

Nguyễn Bính hay sử dụng thành ngữ dân gian hoặc tạo nên những cụm từ mang dáng dấp thành ngữ. Điều này khiến cho thơ giàu hình ảnh, thêm sức gợi, đồng thời giàu nhạc điệu: *một nắng hai sương, nhạt ảnh, thêm sức gợi, đồng thời giàu nhạc điệu: một nắng hai sương, nhạt thắm phai dào, bảy nổi ba chìm, trăm cay nghìn đắng, một lầm hai lỡ, má đỏ môi hồng, năm tao bảy tuyết, chín nhớ mười mong, tóc rối gió về mưa, nhớ núi thương sông,...* Có khi, trong một câu lục bát của Nguyễn Bính xuất hiện tới hai thành ngữ:

Một đi bảy nổi ba chìm,
Trăm cay, nghìn đắng, con tim héo dần
(Lỡ bước sang ngang)

Sử dụng nhiều thành ngữ trong mạch lời như vậy, ý thơ của Nguyễn Bính vẫn sát, vẫn sâu. Ông nhiều khi cũng rất tài tình trong cách bẻ chữ, chiết tự. Chẳng hạn, phát hiện và diễn tả mối quan hệ nhân quả giữa "lầm" với "lỡ" trong cuộc đời thế này thì quả là tinh tế, sâu sắc:

Một lầm hai lỡ keo sơn,
Mong gì gắn lại phím đờn ngang cung.
(Lỡ bước sang ngang)

Mười hai bến nước xa lắng lắc
Lầm tự ngày xưa, lỡ đến giờ
(Mười hai bến nước)

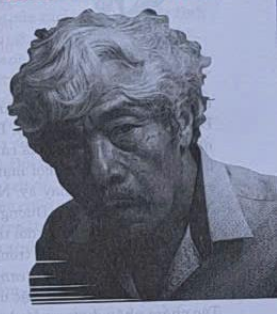
Chưa thể phác hoạ đủ chân dung con người thơ Nguyễn Bính ở cả hai chặng đường trước và sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 qua một bài viết ngắn. Song, trên đây là phần nổi đậm nhất trong hồn cốt của nhà thi sĩ chân quê, phần làm nên mối đồng cảm rộng rãi, sâu sắc của bao thế hệ người yêu thơ Việt Nam từ ngày ấy đến bây giờ và còn mãi tận mai sau.

Đầu thu, tháng 8 năm 2024



Tài liệu tham khảo:
(1) Hoài Thanh, Hoài Chân (1993), *Thi nhân Việt Nam* (tái bản), NXB Văn học, Hà Nội.
(2), (3) Tô Hoài (1986), Lời giới thiệu *Tuyển tập Nguyễn Bính*, NXB Văn học, Hà Nội.

Nhà văn Bảo Ninh:
Chiến tranh là đề tài văn học tuyệt hay mà tôi lại may mắn rất am hiểu



Nhà văn Bảo Ninh, tên thật Hoàng Ấu Phương, sinh năm 1952 tại Hà Nội, là một tác giả nổi tiếng của văn học Việt Nam hiện đại. Ông từng tham gia chiến tranh, do đó, các sáng tác của ông chủ yếu xoay quanh đề tài này. Trong Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn 2018, Bảo Ninh có hai tác phẩm được đưa vào sách giáo khoa: *Nỗi buồn chiến tranh* (*Ngữ văn 12*) và *Giang* (*Ngữ văn 10*). *Giang* là một truyện ngắn về chiến tranh nhưng đầy ngọt ngào và sâu lắng, kể về một người lính trẻ với tình yêu lãng mạn, chân thành. Trong khi đó, *Nỗi buồn chiến tranh* là tiểu thuyết nổi tiếng nhất của ông, không chỉ phản ánh hiện thực khốc liệt của chiến tranh mà còn khai thác những khía cạnh tâm lí phức tạp của con người. Tác phẩm kể về Kiên, một người lính trẻ, qua những mảng hồi ức về chiến tranh, tình yêu và mất mát. Với giọng văn chân thực và sâu lắng, *Nỗi buồn chiến tranh* đã đoạt giải thưởng Hội Nhà văn Việt Nam năm 1991 và được dịch ra nhiều ngôn ngữ.

Trên VH&TT số này, chúng tôi đã có cuộc trò chuyện với nhà văn Bảo Ninh về cuộc đời và sự nghiệp của ông.

1. Thưa nhà văn Bảo Ninh, *Nỗi buồn chiến tranh* là một cuốn tiểu thuyết Việt Nam được đông đảo bạn đọc trong nước và ngoài nước đón nhận. Tác phẩm cũng đã được dịch ra nhiều ngôn ngữ trên thế giới. Khi viết cuốn sách này, ông có nghĩ rằng một ngày nào đó nó sẽ trở nên nổi tiếng như vậy không?

Nhà văn Bảo Ninh: Giải thưởng Hội Nhà văn năm 1991 cho đến nay vẫn được độc giả nhớ đến nhiều, bởi giải



Theo tôi, Đổi mới là một cách diễn đạt nhẹ nhàng, nhưng trong thực tế, đó là cả một cuộc cách mạng. Nó có tác động lớn lao và sâu rộng đến mọi mặt của đời sống. Văn học hồi đó thể hiện rất sâu sắc sự đổi thay ấy. Nguyễn Minh Châu, Nguyễn Huy Thiệp, Nguyễn Khắc Trường, Dương Hướng,... và các nhà thơ khác là những tên tuổi tiêu biểu cho sự đổi thay và vươn lên kì diệu của tâm hồn dân tộc, thể hiện qua văn học trong những năm tháng không thể nào quên ấy.

thường ấy ghi dấu chặng đường năm năm đột phá của văn học nhờ Đổi mới đất nước. Theo tôi, Đổi mới là một cách diễn đạt nhẹ nhàng, nhưng trong thực tế, đó là cả một cuộc cách mạng. Nó có tác động lớn lao và sâu rộng đến mọi mặt của đời sống. Văn học hồi đó thể hiện rất sâu sắc sự đổi thay ấy. Nguyễn Minh Châu, Nguyễn Huy Thiệp, Nguyễn Khắc Trường, Dương Hướng,... và các nhà thơ khác là những tên tuổi tiêu biểu cho sự đổi thay và vươn lên kì diệu của tâm hồn dân tộc, thể hiện qua văn học trong những năm tháng không thể nào quên ấy. Cuốn *Nỗi buồn chiến tranh* nhận được giải thưởng vào thời kì đặc biệt quan trọng đó, nên mặc dù tác giả mới xuất hiện, vẫn được chú ý. Tác phẩm nhận được sự đánh giá cao của các nhà văn và nhà phê bình hàng đầu như Nguyễn Quang Sáng, Nguyễn Khải, Hữu Thỉnh, Vũ Tú Nam, Vương Trí Nhàn, Hoàng Ngọc Hiến, Lê Ngọc Trà,... nên càng có thế mạnh. Theo tôi được biết, dịch giả Phan Thanh Hảo, F. Palmos, Võ Băng Thanh, A. Perce đã dịch *Nỗi buồn chiến tranh* ra tiếng Anh một cách kĩ lưỡng, trau chuốt, đậm đà, xứng đáng với bản gốc, nên bản dịch đã thu hút sự chú ý của chi nhánh Anh của Nhà xuất bản Random và các tờ báo của Anh như *The Independent*, *The Observer*, *The Guardian*,... Tên tuổi của nhà xuất bản và các tờ báo ấy đã tăng thêm trọng lượng cho bản dịch. Nói tóm lại, nhờ không khí Đổi mới và nhờ được dịch rất tốt mà *Nỗi buồn chiến tranh* đã nhập một cách dễ dàng và bình thường vào hệ thống xuất bản chung của thế giới. Tuy nhiên, đây không phải là cuốn đầu tiên. Trước đó, đã có nhiều tác phẩm văn học Việt Nam được dịch ra tiếng Nga, Đức, Pháp, Trung Quốc, Hàn, Nhật,...

2. Xin hỏi, nhà văn đã viết cuốn sách này trong tâm trạng như thế nào?

Nhà văn Bảo Ninh: Mệt nhoài. Tôi nghĩ, khi viết tiểu thuyết thì ai cũng vậy cả.

3. Trong tác phẩm của nhà văn, có những mối tình đẹp và lãng mạn, nhưng cũng có những cái kết buồn. Liệu điều đó có bị ám ảnh bởi một tình yêu nào đó trong chính cuộc đời nhà văn không?

Nhà văn Bảo Ninh: Tình yêu trong những tháng năm lửa đạn là sự nhập một của tình yêu đất nước, tình nghĩa quê nhà, gia đình, tình yêu lứa đôi; nhập một tình yêu và nghĩa vụ của tuổi trẻ, nhập một tình yêu, nỗi đau thương, mơ mộng và nhớ nhung, thuỷ chung và chia lìa.

4. Đoạn kết của *Nỗi buồn chiến tranh*, tình yêu đó không đến được với nhau, đó có phải là một cái kết không có hậu?

Nhà văn Bảo Ninh: Tôi nghĩ đoạn kết của *Nỗi buồn chiến tranh* là đoạn kết của mười năm hậu chiến, mười năm hậu kì thời bao cấp ngột ngạt và khốn quẫn, đoạn kết ấy chứa chất trong nó nhu cầu sống còn của sự nhất thiết phải đổi thay. Đó là Đổi mới. Cái kết có hậu của cuốn sách tồn tại ở những trang ẩn đằng sau nó.

5. Có phải vì lẽ đó, phần nào vì thế mà cuốn sách đã từng được đổi tên thành *Thân phận của tình yêu* chăng?

Nhà văn Bảo Ninh: *Thân phận của tình yêu* là tên đặt tạm thời cho lần xuất bản đầu tiên.

6. Là tác giả, người cha của tác phẩm, nhà văn thích cái tên nào hơn?

Nhà văn Bảo Ninh: *Nỗi buồn chiến tranh*.

7. Có thể nói, trong số những tác phẩm viết về chiến tranh, *Nỗi buồn chiến tranh* là cuốn sách dễ đọc nhất. Nó như một sự "gây nghiện", vì đọc trang trước lại muốn biết về trang sau. Liệu khi viết, nhà văn có mê say tác phẩm của mình như người đọc không?

Nhà văn Bảo Ninh: Cảm ơn bạn. Còn sự say mê khi viết thì nhiều nhà văn đã tự miêu tả. Tôi không khác và không nói hơn được.

8. Có cả sự dằn vặt, đau đớn, tiếc nuối,... và những cảm xúc vui buồn đan xen nữa chứ, thưa nhà văn?

Nhà văn Bảo Ninh: Vâng. Thì vậy mà. Con người, chiến tranh, tuổi trẻ, tình yêu,...

9. Cuốn sách có những trang viết thật đẹp, rất giàu hình ảnh, thật lòng thì nhà văn thích phần nào nhất trong cuốn sách?

Nhà văn Bảo Ninh: Chỉ trừ phi là một cuốn sách rất tệ, còn thì tác phẩm văn học nào cũng có những trang đáng đọc. Đã viết văn thì

phải cố hết sức ở mức có thể nhất của mình cho chữ nghĩa. Đậm đà bản sắc dân tộc, chúng ta thường nói vậy và mong vậy, nhưng cụ thể là gì? Theo tôi, đối với nhà văn, thì cái bản sắc đậm đà ấy, trước nhất và quan trọng nhất là sức mạnh câu chữ, là tình yêu tiếng Việt được thể hiện ra sao trong tác phẩm.

10 *Nỗi buồn chiến tranh* thành công trên nhiều phương diện, trong đó có nghệ thuật. Khi viết, nhà văn có sử dụng đến lí thuyết nào không?

Nhà văn Bảo Ninh: Sau chiến tranh, tôi còn tương đối trẻ, nên hiệu sách có gì tôi đều đọc tất. Nghĩa là đọc cũng nhiều, nhưng hồi đó cái gì cũng một chiều, kể cả tư duy và sách vở. Vì thế, dù đọc nhiều nhưng không thực sự đọng lại được bao nhiêu, thậm chí còn lộn xộn. Tôi chủ yếu học được rất nhiều từ các tác phẩm và những lời chỉ bảo của các nhà văn bậc cha chú và bậc đàn anh như Nguyễn Minh Châu, Nguyễn Thành Long, Nguyễn Quang Sáng, Triệu Bôn, Hồng Phi, Chu Lai, Cao Tiến Lê,... Và, có thể nói rằng, về lí thuyết, các nhà văn ấy là những nhà văn hiện thực chủ nghĩa.

11 Thời gian viết *Nỗi buồn chiến tranh*, nhà văn tự đánh giá bản thân thế nào?

Nhà văn Bảo Ninh: Hồi đó cái gì cũng một chiều, kể cả ăn bận và dung mạo. Bạn cứ coi bất kì bức hình chụp người nào cỡ bốn chục tuổi sống tại Hà Nội những năm đầu thập niên 90 thì tôi trông y thế.

12 Là người đã tham gia chiến tranh, viết về nó, bây giờ nghĩ lại nhà văn cảm thấy thế nào?

Nhà văn Bảo Ninh: Chiến tranh là đề tài văn học tuyệt hay mà tôi lại may mắn rất am hiểu. Tiếc là các nhà văn trẻ và cả độc giả trẻ ngày nay không còn quan tâm nhiều tới đề tài văn học ấy.

13 Có ý kiến cho rằng, *Nỗi buồn chiến tranh* thành công một phần bởi nó ra đời đúng thời điểm?

Nhà văn Bảo Ninh: Thì như lúc đầu tôi thưa với bạn đấy. Nhờ đất nước và văn học bước vào thời kì Đổi mới.

14 Là nhà văn có ý thức chuyên nghiệp, có bao giờ ông bị chi phối bởi những cám dỗ (ngay cả những ham thích lặt vặt) của đời sống?

Nhà văn Bảo Ninh: Mọi sự trong đời sống đều không lặt vặt và đều đáng để người ta bị cám dỗ, hoặc chí ít là khiến người ta phải chú ý và bị phân tâm. Càng là người viết văn thì lại càng bị như vậy. Đời sống thôi thúc bạn viết văn, nhưng đồng thời cũng ngăn cản bạn ngồi vào bàn để cặm cụi viết lách.

15 Nghe nói, nhà văn đang ấp ủ một cuốn tiểu thuyết thứ hai?

Nhà văn Bảo Ninh: Đại khái vậy.

16 Vậy, nhà văn có tiếp tục viết về đề tài chiến tranh nữa không?

Nhà văn Bảo Ninh: Vâng. Trong suốt những năm qua, kể cả viết tiểu luận hay viết báo, tôi vẫn chủ yếu chú tâm vào đề tài chiến tranh. Cũ, nhưng biết làm sao. Chiến tranh, ấy là bạn bè đồng đội, là thời tuổi trẻ của tôi.

17 Thưa nhà văn, ông có sợ, dù chỉ là mơ hồ thôi, rằng cái bóng của *Nỗi buồn chiến tranh* quá lớn, khiến những thành tựu về sau của ông không được đánh giá một cách đúng đắn?

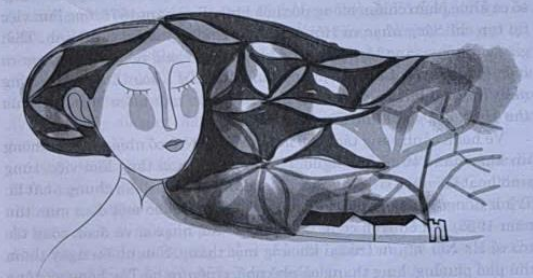
Nhà văn Bảo Ninh: Tiểu thuyết là lĩnh vực đầy gian khó và là sự thách thức lớn nhất, nhưng bởi vậy mà tiểu thuyết là niềm say mê văn học lớn nhất của tôi. Những năm 90, tôi cảm thấy vui và tự hào, phần nào thoả mãn với cảm giác đã viết khá thành công về đề tài chiến tranh và người lính. Nhưng sự thoả mãn ấy qua nhanh. Càng ngày, tôi càng muốn viết được nhiều hơn thế về đề tài đó.

18 Bây giờ, nếu được nói một câu ngắn gọn về bản thân mình, nhà văn sẽ nói gì?

Nhà văn Bảo Ninh: Mọi người thế nào thì tôi thế nấy, đấy là tôi.

Cảm ơn nhà văn về cuộc chuyện trò thú vị này!

Trần Hoàng Thiên Kim thực hiện





Nội dung yêu cầu cần đạt về năng lực đọc hiểu quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn 2018, lớp 12, có những yêu cầu cụ thể, hướng đến mục tiêu tăng cường liên hệ, kết nối văn học với đời sống, như:

◆ Nhận biết và phân tích được quan điểm của người viết về lịch sử, văn hoá được thể hiện trong văn bản.

◆ Vận dụng được kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống và kiến thức văn học để đánh giá, phê bình văn bản văn học; thể hiện được cảm xúc, suy nghĩ của cá nhân về văn bản văn học.

◆ Phân tích và đánh giá được khả năng tác động của tác phẩm văn học đối với người đọc.

◆ Biết đặt tác phẩm trong bối cảnh sáng tác và bối cảnh hiện tại để có đánh giá phù hợp.

Trên VH&TT số này, hãy cùng đọc hiểu phần lời thơ bài hát *Nhớ mùa thu Hà Nội* của nhạc sĩ Trịnh Công Sơn theo những định hướng trên nhé! Đây là tác phẩm có trong danh mục văn bản được gợi ý sử dụng làm ngữ liệu đọc hiểu của Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Đọc để hiểu, hiểu để đọc với "Nhớ mùa thu Hà Nội" của Trịnh Công Sơn

TS. Lê Hồng Mai

Nhạc sĩ Trịnh Công Sơn (1939 – 2001) quê ở huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế. Trước năm 1975, ông sáng tác chủ yếu các ca khúc trữ tình về thân phận con người và một số ca khúc phản chiến, mong ước hoà bình. Sau năm 1975, ông làm việc tại tạp chí *Sống nhạc* và Hội Âm nhạc Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian này, ông sáng tác một số ca khúc như: *Em ở nông trường, em ra biên giới; Huyền thoại Mẹ; Ánh sáng Mạc Tư Khoa; Em là hoa hồng nhỏ; Tuổi đời mênh mông; Mỗi ngày tôi chọn một niềm vui; Nhớ mùa thu Hà Nội; Đoàn khúc thu Hà Nội;...*

Về hoàn cảnh sáng tác *Nhớ mùa thu Hà Nội*, có nhiều nguồn thông tin khác nhau từ những người bạn, những người từng làm việc, từng sinh hoạt với nhạc sĩ Trịnh thời điểm đó. Trong đó, điểm chung nhất là: Trịnh Công Sơn sáng tác *Nhớ mùa thu Hà Nội* vào một đêm mùa thu năm 1985, sau chuyến công tác tại Liên Xô, nhạc sĩ và đoàn công tác trở về Hà Nội và lưu trú lại khoảng một tháng. Sau nhiều ngày thăm thú phố phường, lang thang cà phê phố, chiều ra hồ Tây hóng gió, ông đã sáng tác nên bài hát này.



Nhớ mùa thu Hà Nội
(Trịnh Công Sơn)



Hà Nội mùa thu cây cơm nguội vàng,
Cây bàng lá đỏ nằm kề bên nhau,
Phố xưa nhà cổ, mái ngói thâm nâu.
Hà Nội mùa thu, mùa thu Hà Nội,
Mùa hoa sữa về thơm từng cơn gió,
Mùa cốm xanh về thơm bàn tay nhỏ,
Cốm sữa vỉa hè thơm bước chân qua.

Hồ Tây chiều thu, mặt nước vàng lay bờ xa mời gọi,
Màu sương thương nhớ, bầy sâm cầm nhỏ vỗ cánh mặt trời.

Hà Nội mùa thu đi giữa mọi người,
Lòng như thầm hỏi tôi đang nhớ ai.
Sẽ có một ngày trời thu Hà Nội trả lời cho tôi,
Sẽ có một ngày từng con đường nhỏ trả lời cho tôi.

Hà Nội mùa thu, mùa thu Hà Nội,
Nhớ đến một người để nhớ mọi người.

Nhạc sĩ Dân Huyền có kể thêm rằng: *"Sau ngày 30/4/1975 chỉ hơn một tháng, chúng tôi được Đài Tiếng nói Việt Nam cử vào công tác ở Đài Phát thanh Huế. Ngoài công việc hàng ngày, chúng tôi thường hẹn gặp với các văn nghệ sĩ. Văn thơ kịch có: Phan Kim Nguyên, Hà Khánh Linh, Nguyễn Quang Hà, Hoàng Phủ Ngọc Tường, Võ Quê,... Nhạc có: Trần Hoàn, Trần Hữu Pháp, Trịnh Công Sơn,... Những lần gặp gỡ, nhạc sĩ Trịnh Công Sơn hay hỏi về Hà Nội, về những địa danh, những đặc điểm của Thủ đô. Nhạc sĩ Trần Hoàn lúc đó là Giám đốc Sở Văn hoá thường thay chúng tôi trả lời. Từ những lần trò chuyện gián tiếp ấy và sau này được ra thăm Thủ đô, nhạc sĩ Trịnh Công Sơn đã có một bài hát thật hay về mùa thu Hà Nội."*.

Nhạc sĩ Trịnh Công Sơn không sống ở Hà Nội. Hà Nội không gắn bó thân thuộc với ông như với Huế, Sài Gòn hay Đà Lạt, Bảo Lộc,... nhưng tình yêu ông dành cho Hà Nội không hề nhỏ. Bởi thế, từ năm 2015, Thủ đô Hà Nội đã có một con phố mang tên Trịnh Công Sơn. Sở dĩ tên ông được đặt cho tên phố không chỉ vì tầm vóc, dấu ấn nghệ thuật hay kho tàng âm nhạc đồ sộ, giữ vai trò góp phần làm nên sự đa dạng, hiện đại cho nền âm nhạc nước nhà, mà còn vì một lí do rất cụ thể, rất nổi bật.

Đó là qua các tác phẩm âm nhạc, ông đã khắc hoạ một Hà Nội rất đẹp, rất thơ với những đặc trưng thực sự là riêng có của Thăng Long – Hà Nội. Sau gần 40 năm (1985 – 2024), kể từ khi bài hát ra đời, mỗi khi nhắc đến Hà Nội, người ta nhắc đến gần như đủ những hình ảnh trong bài hát *Nhớ mùa thu Hà Nội* của Trịnh Công Sơn.

Có thể nói rằng, phần lời bài hát là một bài thơ hay, đẹp nhất nhì trong các bài thơ viết về Hà Nội, từ nội dung, hình ảnh, cấu tứ đến thông điệp.

Thành công đầu tiên của tác phẩm nằm ngay ở việc lựa chọn đề tài: Hà Nội – mùa thu.

Hà Nội vốn là nguồn cảm hứng vô tận của thi ca, nhạc hoạ. Trước hết, bởi Hà Nội là chốn kinh kì từ ngàn năm nay, nơi hội tụ tinh hoa văn hoá dân tộc, gắn liền với những giai đoạn oai hùng và rực rỡ của lịch sử dân tộc qua các triều đại Lý, Trần, Lê, và từ khi đất nước độc lập, thống nhất. Là chốn kinh kì hội tụ nghìn năm văn hiến, Hà Nội còn có thiên nhiên, khí hậu bốn mùa với những vẻ đẹp đặc trưng riêng. Và mùa đẹp nhất, hấp dẫn các nhà nghệ thuật là mùa thu. Mùa thu Hà Nội hội tụ đủ cả mọi phẩm chất của nghệ thuật: khí thu dịu dàng, cây cỏ mùa thu đủ sắc màu; không gian thu trầm lắng; lịch sử dân tộc có mùa thu Cách mạng tháng Tám năm 1945 hào hùng, đáng nhớ; mùa thu có những món đặc sản tinh tế, những thức quà theo mùa đầy khí chất kinh kì.

Chọn thu Hà Nội làm "nàng thơ", chắc chắn không phải là một người mới ở Hà Nội một tháng, mà phải là người đã hiểu, đã yêu Hà Nội rất sâu đậm hoặc có một năng lực nghệ thuật rất cao siêu. Mười năm sau, vào năm 1995, nhạc sĩ họ Trịnh còn có thêm một ca khúc về thu Hà Nội với tên gọi *Đoản khúc thu Hà Nội*.

Thành công thứ hai của "Nhớ mùa thu Hà Nội" là những hình ảnh được tác giả lựa chọn để đặc tả vẻ đẹp của Hà Nội.

Đó là hoa sữa. Hà Nội có 12 mùa hoa, mỗi mùa có những sắc hoa đặc trưng riêng. Nhưng nhắc đến Hà Nội, hoa sữa bao giờ cũng được nhớ đến đầu tiên. Hoa sữa đi vào thơ nhạc, nghệ thuật như một yếu tố làm nên đặc trưng Hà Nội. Hương hoa sữa nồng nàn gắn với kỉ niệm, kí ức của mỗi người Hà Nội, đã thật nên thơ và dịu dàng trong câu hát: *"Mùa hoa sữa về thơm từng cơn gió"*. Trịnh Công Sơn có một cách đặc tả mùi hương rất riêng. Hoa sữa làm thơm từng cơn gió, cốm xanh thì thơm bàn tay nhỏ, thơm bước chân qua. Một cách diễn tả tinh tế chỉ có thể hình dung và cảm nhận, thật khó diễn tả bằng lời cho tương xứng.

Những hình ảnh tiếp theo là *"cây cơm nguội vàng", "cây bàng lá đỏ", "Phố xưa nhà cổ, mái ngói thâm nâu"*. Là *"Bùi cốm xanh về thơm bàn tay nhỏ,/ Cốm sữa vỉa hè thơm bước chân qua."*.

Những hình ảnh này vốn đã rất quen thuộc với Hà Nội, góp nên sắc thu của Thủ đô qua nhiều tác phẩm nghệ thuật từ hội hoạ, thơ văn đến điện ảnh. Đến Trịnh Công Sơn, ông đã gom cả vào một bài thơ ngắn, sắp xếp đầy đủ, như vẽ nên một bức tranh Hà Nội phố mùa thu. Đó là Hà Nội với 36 phố phường, nơi có *"phố xưa nhà cổ mái ngói thâm nâu"* nằm kề nhau, có những cây bàng đỏ ối đang mùa thay lá, có cây cơm nguội ngập sắc thu vàng. "Bức hoạ" mùa thu này thấp thoáng nét vẽ và gam màu trong những bức tranh phố của hoạ sĩ Bùi Xuân Phái.

Bức tranh thu của Trịnh Công Sơn còn thơm nồng hương hoa sữa, còn thấp thoáng hình dáng cô gái làng Vòng gánh cốm non mùa thu thong dong trên phố.

Những lời thơ của nhạc sĩ Trịnh không chỉ có nét và sắc của hội hoạ mà còn có một độ nén, độ súc tích trong việc tạo nên một hình ảnh thơ mà dù là những nhà Hà Nội học như Vũ Bằng, Thạch Lam,... cũng không thể tạo nên những hình ảnh tinh tế hơn khi viết về cốm – một thứ quà của Hà Nội. Thực tế, cốm là món quà dân dã, quen thuộc của người Việt ở nhiều địa phương từ vùng núi đến đồng bằng. Nơi nào có ruộng trồng lúa, nơi ấy có cốm, cốm là món quà vặt của trẻ em, của mấy cô mấy chị. Nhưng chỉ ở Hà Nội, cốm mới trở thành một món quà đặc sản mang vẻ đẹp văn hoá riêng biệt – một thức quà vật tinh tế, dù cốm chỉ được làm ở làng Vòng, sau này lan thêm ra Mễ Trì,... Và đến nay, cốm vẫn là món quà Hà Nội, gói trong đó cả những nét văn hoá kinh kì mà ai cũng muốn thưởng thức.

Điều gì đã mang đến màu sắc văn hoá cho cốm Hà Nội? Là những trang văn của Vũ Bằng, Thạch Lam, Nguyễn Tuân và nhiều nhà văn thuộc các thế hệ sau, những người đã nhắc đến cốm như một ví dụ sinh động cho sự tinh tế của ẩm thực Tràng An.

Và chắc chắn, câu thơ của Trịnh Công Sơn, hơn ai hết, đã phác hoạ tròn trịa và đủ đầy cho vẻ đẹp của cốm Hà Nội. Cốm làm cho Hà Nội có một vẻ riêng, và Hà Nội nâng cốm trở thành một phần của văn hoá:

Mùa cốm xanh về thơm bàn tay nhỏ,
Cốm sữa vỉa hè thơm bước chân qua.

Hai câu thơ 8 chữ mà có thể dựng lên cả một cuộn phim ngắn về cốm. Nếu ai đó muốn quảng bá về cốm Hà Nội, chỉ cần quay một thước phim theo nội dung của hai câu thơ này là đủ. Phải ít nhất một lần đến Hà Nội và gặp hàng cốm bán trên phố, bạn mới hiểu rõ điều này.

"Bàn tay nhỏ" như được ướp hương cốm thơm ngát này không phải bàn tay người thợ làm lò cốm, mà là bàn tay của cô bán hàng cốm. Khi bàn tay người thợ làm lò cốm, mà là bàn tay của cô bán hàng cốm. Khi bán cốm, để giới thiệu với khách về các loại cốm: cốm non, cốm già, cốm lá me, cốm sữa, cốm đầu mùa,... thì cô bán hàng sẽ mở thúng cốm, vốn được đậy bằng những tàu lá sen, nhúm một ít cốm vào lòng bàn tay, khẽ làm cho cốm tơi ra rồi thả cho những hạt cốm rơi xuống. Qua độ kết dính, độ khô, độ mỏng, độ bay của hạt cốm, độ mềm hay dẻo,... mà nói cho khách biết đó là loại cốm gì – cốm me, cốm rót hay cốm sữa... Cốm lá me thì hạt mỏng tang, trong veo, dẻo nhưng hạt không dính vào nhau, là những mầm nếp bay ra khi sàng cốm trong đợt giã cuối, vị ngọt nhẹ, là cốm thuộc hàng ngon. Ngon nữa là cốm sữa. Cốm luôn có mùi thơm nhẹ thoảng của nếp non. Bàn tay của cô hàng cốm vì thế mà ướp đầy hương cốm, trở thành hình ảnh *"Mùa cốm xanh về thơm bàn tay nhỏ"*.

Người bán cốm xưa thường gánh cốm đi dọc các con phố để bán rong. Thỉnh thoảng, họ ngồi lại ở một góc vỉa hè nào đó chờ khách quen hoặc nghỉ chân bán cho khách qua lại. Ngày nay, trên khu vực phố cổ, hình ảnh những người gánh cốm hoặc bê một thúng cốm đi bán rong vẫn rất quen thuộc. Một số khác thì ngồi cố định tại một góc phố nào đó với thúng cốm, bánh cốm và bánh phu thê. Chỉ duy nhất Hà Nội mới có người bán cốm rong và xe đạp chở hoa tươi trên các con phố, đây là những hình ảnh hiếm hoi, đang lưu giữ vẻ đẹp của Hà Nội xưa.

Từ những gánh cốm, thúng cốm bán rong trên vỉa hè, góc phố ấy, mà thi sĩ, nhạc sĩ họ Trịnh tài hoa đã gom thành một hình ảnh thật thơ, tinh tế và đầy sống động:

Cốm sữa vỉa hè thơm bước chân qua

Hai câu thơ với hai từ "thơm" hai từ "cốm" lặp lại một cách khéo léo đã tạo nên vẻ đẹp đặc trưng riêng có của Hà Nội phố khi thu về.

Để thấu hết sức nén văn hoá, hiện thực, cảm nhận được sự vi tế trong lời thơ của Trịnh Công Sơn không phải chỉ cần trực cảm hay năng lực thẩm thấu nghệ thuật, mà cần có độ hiểu biết nhất định về văn hoá, về vùng đất, về hiện thực và cả hoàn cảnh sáng tác, bối cảnh lịch sử văn hoá của người đọc.

Cây Hà Nội mùa thu thì chọn bàng lá đỏ, cơm nguội vàng.

Kiến trúc thì chọn nhà cổ mái ngói thâm nâu.

Đặc sản thì chọn cốm, cốm sữa.

Không gian là phố nhỏ, là vỉa hè, và tất nhiên không thể thiếu Hồ Tây.

Hà Nội hào hoa, còn là một Hà Nội rất đẹp, rất phóng khoáng, không chỉ thâm trầm cổ kính mà còn khoáng đạt lộng gió, là không gian cho thi sĩ thả hồn, khơi mở cảm hứng sáng tác.

Hồ Tây trong lời thơ của *Nhớ mùa thu Hà Nội* mang một vẻ đẹp đặc trưng, đã đi vào nhiều tác phẩm, nhưng vẫn độc đáo, quen mà lạ, điểm xuyết mà đầy đủ:

"Hồ Tây chiều thu mặt nước vàng lay mở xa mời gọi... bấy sâm cầm nhỏ vỗ cánh mặt trời".

Hẳn là nhờ những câu hát này mà ai cũng biết Hồ Tây là nơi có hoàng hôn rất đẹp. Và đến nay, dù không còn nữa, nhưng ai cũng biết Hồ Tây từng có những bầy sâm cầm bơi lội. Và nhờ thế mà ai cũng biết, Hà Nội những năm ấy vẫn có một vùng rất nguyên sơ vẻ đẹp của thiên nhiên, ngay kề bên một phố cổ thâm trầm cổ kính với san sát những dãy phố nhuốm màu thời gian.

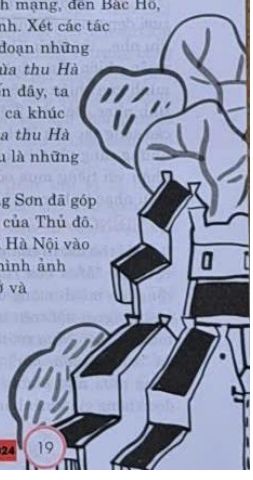
Thành công thứ ba của tác phẩm phải kể đến sức gợi lớn và dòng cảm xúc dâng trào ở đoạn thơ cuối bài.

Những dòng thơ này thể hiện cảm xúc, tình yêu và suy tưởng của tác giả: đi giữa mùa thu trong tâm trạng *"lòng như thầm hỏi tôi đang nhớ ai"*.

Và đặc biệt, câu kết *"Nhớ đến một người để nhớ mọi người"* là câu thơ mở ra nhiều suy nghĩ khác nhau. Mỗi người đều có cách hiểu, cách phỏng đoán của riêng mình. Có những khuynh hướng lãng mạn hoá, hiểu câu thơ theo nghĩa tình cảm đời thường, tình bạn, tình yêu. Cũng có những suy nghĩ liên tưởng đến mùa thu cách mạng, đến Bác Hồ, đến nhân dân trong nỗi nhớ của nhạc sĩ họ Trịnh. Xét các tác phẩm mà Trịnh Công Sơn sáng tác trong giai đoạn những năm 80, cùng với tư duy âm nhạc của *Nhớ mùa thu Hà Nội*, thì đây là một cách hiểu có lí, có tình. Đến đây, ta cũng dễ liên tưởng đến *Hà Nội mùa thu* – một ca khúc của nhạc sĩ Vũ Thanh hay bài *Có phải em mùa thu Hà Nội* của Trần Quang Lộc, thơ Tô Như Châu, đều là những ca khúc mang âm hưởng cách mạng.

Với *Nhớ mùa thu Hà Nội*, nhạc sĩ Trịnh Công Sơn đã góp phần làm sắc nét hơn những vẻ đẹp đặc trưng của Thủ đô. Và để ngày nay, ai cũng muốn một lần được đến Hà Nội vào mùa thu. Mùa thu Hà Nội đã trở thành một hình ảnh mang màu sắc văn hoá, mang đặc trưng xứ sở và nét riêng của Hà Nội phố.

Hà Nội, thu 2024



Tiếng đàn mưa của Bích Khê, một tác phẩm thơ tiêu biểu thuộc chủ điểm **Những cung bậc tâm trạng** (*Ngữ văn 9*, tập một, bộ *Kết nối tri thức với cuộc sống*), mang đến một thế giới thơ ca giàu nhạc tính và sâu lắng. Với thể thơ song thất lục bát, Bích Khê đã vẽ nên một không gian thiên nhiên huyền ảo, nơi âm thanh của những giọt mưa được thổi hồn thành tiếng đàn du dương, vang vọng trong lòng người lữ khách tha phương. Những cung bậc cảm xúc từ sự cô đơn, nhớ nhung đến nỗi sầu man mác của con người được Bích Khê tinh tế hoà quyện với cảnh sắc thiên nhiên, tạo nên một bản hoà ca giữa đất trời và tâm hồn...

Bản hoà ca tâm hồn qua *Tiếng đàn mưa*

ThS. Trần Thị Vân

GV, Trường Cao đẳng Sư phạm Nam Định

Trong số các nhà Thơ mới (1932 – 1945), nếu như Xuân Diệu mượn vườn xuân mơn mởn tràn đầy sức sống để thể hiện niềm yêu đời, yêu người; Đoàn Văn Cừ tái hiện thiên nhiên tươi đẹp trong những buổi chợ Tết; Anh Thơ yêu những buổi chiều quê dịu nhẹ... thì Bích Khê lại là "một đỉnh núi lạ". Ông thể hiện tình yêu thiên nhiên của mình bằng tâm hồn tinh tế, lắng nghe bước chuyển mình của thiên nhiên và tái hiện trong những bài thơ táo bạo, giàu tính nhạc. Bài thơ *Tiếng đàn mưa* in trong tập thơ *Tinh hoa* (tập hợp các sáng tác của Bích Khê từ năm 1938 đến năm 1944) là một trong những sáng tác tiêu biểu của ông. Đây là bản hoà ca của tâm hồn thi nhân với tiếng mưa của đất trời, tạo nên thi phẩm song thất lục bát giàu nhạc tính trong không gian huyền diệu.

TIẾNG LÒNG CỦA NGƯỜI LỮ KHÁCH

Bài thơ mở ra trong âm thanh rả rích của những hạt mưa rơi xuống vạn vật: *"Mưa hoa rụng, mưa hoa xuân rụng..."*. Cả một không gian rộng lớn mênh mông được phác hoạ chỉ bằng cụm từ *"ngoài nẻo dặm ngàn, ngoài nội trên ngàn"*. Cảnh vật đều đang đón nhận những hạt mưa rả rích. Mưa rơi trên những bông hoa mùa xuân, rớt *"xuống lầu"* và *"xuống thềm lan"*, phủ kín vạn vật bằng sắc trắng và âm thanh tiếng mưa như những giọt đàn. Bích Khê đã vẽ lên trước mắt người đọc không gian mênh mông của tiếng mưa chỉ bằng vài dòng lược tả. Ta

Tiếng đàn mưa

Mưa hoa rụng, mưa hoa xuân rụng.
Mưa xuống lầu, mưa xuống thềm lan;
Mưa rơi ngoài nẻo dặm ngàn,
Nước non rả rích giọng đàn mưa xuân.

Lầu mưa xuống, thềm lan mưa xuống,
Cùng nước non hoa rụng mưa xuân.
Mưa rơi ngoài nội trên ngàn,
Nghe trong ý khách giọt đàn mưa rơi.

Đầm mưa xuống, nẻo đồi mưa xuống.
Bóng dương tà... rụng bóng tà dương;
Hoa xuân rơi với bóng dương.
Mưa trong ý khách mưa cùng nước non.

Rơi hoa kết mưa còn rả rích,
Càng mưa rơi cảnh tịch bóng dương
Bóng dương với khách tha hương
Mưa trong ý khách muốn hàng lệ rơi.

(Bích Khê, *Ngữ văn 9*, tập một, bộ *Kết nối tri thức với cuộc*, NXBGDVN, 2024, tr.46)



có thể cảm nhận được sự rộng lớn của không gian được bao phủ bởi màn mưa nên càng thêm trải rộng. Những hạt mưa vẫn đang tí tách rơi xuống, đều đặn, phủ thêm cho bầu trời, cảnh vật sắc trắng. Vạn vật dường như đều tĩnh lại, lặng hơn, chỉ còn âm thanh tiếng mưa đang rơi phủ. Âm thanh ấy vang vọng trong không gian rộng lớn khiến ta hình dung như một bản đàn êm dịu, bản đàn của thiên nhiên đang thấm sâu vào cảnh vật, vào lòng người. Không gian dường như càng được nới rộng hơn khi có sự cộng hưởng của bước chân thời gian, mưa cho đến tận khi *Bóng dương tà rụng bóng tà dương*... Mưa xuân phủ trắng trời, kéo rộng không gian, kéo dài thời gian và khắc sâu trong tâm hồn thi sĩ.

Điều thú vị là trong ba khổ thơ đầu tiên, tác giả đều tả cảnh vạn vật đón mưa rơi, tạo nên âm điệu giàu nhạc tính và không gian huyền ảo. Thế nhưng, dường như cảnh vật cũng có hồn, có sự chủ động đón nhận những hạt mưa của đất trời. Cảnh

vật được tập trung phác hoạ trong bài thơ là *"lầu"*, *"thềm lan"*, *"đầm"*, *"nẻo đồi"*,... nhưng nếu như trong khổ thơ đầu, khi những hạt mưa bắt đầu rơi xuống mới chỉ là miêu tả đơn thuần: *"Mưa xuống lầu, mưa xuống thềm lan/ Mưa rơi ngoài nẻo dặm ngàn..."*, thì đến khổ thơ thứ hai và thứ ba đã có sự thay đổi về cách thức tiếp nhận. Lúc này, những sự vật đã được đảo vị trí: *"Lầu mưa xuống, thềm lan mưa xuống"* hay *"Đầm mưa xuống nẻo đồi mưa xuống..."*. Dường như cảnh vật đang từ sự đón nhận một cách bị động chuyển sang chủ động tiếp nhận mưa rơi, tạo nên một sự đối ứng, hoà nhịp giữa cảnh và người. Lúc này, cảnh vật như mang cả tâm tình của người thi sĩ, thể hiện được sự tinh tế của tác giả khi cảm nhận và truyền tải được sự hoà nhịp của thiên nhiên.

Trong không gian trắng trời của màn mưa, trong sự hoà ca của vạn vật tạo nên khúc nhạc du dương, mang đến sự mờ ảo, huyền diệu cho bài thơ, người lữ khách dường như đã cảm nhận được âm thanh tiếng đàn mưa hoà ca trong cả tâm hồn mình. Tiếng mưa khơi dậy những cảm xúc dồn nén trong tâm hồn người khách tha hương, càng ngắm mưa rơi càng cảm nhận được sự cô liêu, buồn tủi. Ta cảm nhận được các cung bậc cảm xúc và sự giao hoà, tác động của cảnh vật thiên nhiên, của âm thanh tiếng đàn mưa đến các cung bậc cảm xúc của người khách tha hương qua các câu thơ cuối của khổ thơ thứ hai, thứ ba và thứ tư. Khi đã chứng kiến màn mưa xuân trắng xoá đất trời, người lữ khách cảm thấy *"Nghe trong ý khách giọt đàn mưa rơi"*, bởi lúc này âm thanh tiếng mưa tí tách cũng như tiếng đàn đã thánh thót nhỏ từng giọt vào trong lòng người. Khi cảnh vật giao hoà, chủ động đón nhận tiếng đàn mưa thì khách nhân cảm thấy *"Mưa trong ý khách mưa cùng nước non"*. Không chỉ là *"nghe trong ý khách"* nữa, mà đã có sự giao hoà giữa cảm xúc của con người và tiếng mưa của đất trời. Tiếng đàn mưa thấm vào lòng người, cũng giống như tiếng mưa rả rích ngoài đất trời, khiến lòng người hoà cùng cảnh vật. Và cuối cùng, đỉnh điểm của sự giao hoà ấy là tiếng đàn mưa đã khiến *"Mưa trong ý khách muôn hàng lệ rơi"*. Âm thanh của thiên nhiên đã cộng hưởng cùng tiếng lòng của người lữ khách, khiến lữ khách rơi lệ. Nỗi sầu trong lòng người đã hoá thành những dòng lệ rơi hoà cùng tiếng đàn mưa trong trời đất, như một sự sẻ chia, giao hoà, xoá nhoà khoảng cách giữa con người và đất trời. Thiên nhiên như an ủi người khách tha hương đã qua bao mùa tịch dương cô lẻ, không thể trở về chốn quê xưa cho thoả nỗi nhớ mong. Ta cũng thấy được tấm lòng yêu mến thiên nhiên, thấu hiểu và tinh tế khi hoà nhập được với cảnh sắc đất trời, lắng nghe được âm thanh tiếng mưa, tiếng đàn... của thi nhân.

KHÔNG GIAN HUYỀN DIỆU ĐẦY NHẠC TÍNH

Bích Khê là một trong số ít nhà Thơ mới chuyển sang bến bờ tượng trưng, siêu thực khá sớm và là một trong những người đặt nền móng cho sự cách tân trong thơ ca Việt Nam, là người được đánh giá rằng "trăm năm vẫn mới lạ". Với *Tiếng đàn mưa*, Bích Khê đã tạo dựng được một không gian huyền diệu đầy nhạc tính, du dương, giao hoà giữa con người và thiên nhiên. Nhạc tính trong thơ ông được thể hiện một cách tinh tế qua việc vận dụng thể thơ song thất lục bát vừa quen vừa lạ; cách ngắt nhịp, đặt vần linh hoạt; những hình ảnh giàu sức gợi tả và việc sử dụng khéo léo các biện pháp tu từ.

Bích Khê là một nhà thơ thuộc phong trào Thơ mới, ông đã lặng lẽ ghi dấu ấn cho mình với những cách tân đặc trưng, vừa kế thừa truyền thống vừa sáng tạo. Điều đó thể hiện rõ nét trong *Tiếng đàn mưa* với thể thơ song thất lục bát truyền thống. Bài thơ gồm bốn khổ thơ, mỗi khổ được cấu tạo từ hai câu thất – bảy chữ (song thất) và một cặp lục bát (một câu 6 tiếng và một câu 8 tiếng); từng câu thơ vừa chuyển tải được âm hưởng ngọt ngào của thể thơ lục bát truyền thống, vừa thể hiện được sự cách tân về hình thức; tạo nên những âm hưởng vừa đa diết sâu lắng vừa thân thương gần gũi với tâm hồn người Việt Nam. Bài thơ tuân thủ cách hiệp vần của thể thơ: tiếng cuối câu bảy thứ hai vần với tiếng cuối câu lục *"lan – ngàn"*, *"dương – dương"*, *"dương – hương"*; tiếng cuối câu lục vần với chữ thứ 6 câu bát *"ngàn – đàn"*... đồng thời cũng có những biến tấu, như việc không hiệp vần ở tiếng thứ ba (hoặc thứ năm) của câu thơ 7 chữ thứ hai với tiếng cuối của câu thơ 7 chữ liền trước nó (*lầu – xuống – rụng, nong – rụng – xuống*)... Sự không hiệp vần nghiêm ngặt này tạo nên giai điệu du dương của tiếng đàn mưa và khiến bài thơ thêm độc đáo.

Âm điệu du dương, giàu nhạc tính của bài thơ được thể hiện rõ qua việc tác giả đã vận dụng một cách linh hoạt thể thơ song thất lục bát, kết hợp với nhóm thanh điệu theo quy luật khi sử dụng các biện pháp tu từ điệp thanh, điệp ngữ, đảo ngữ. Điệp ngữ *mưa, hoa xuân, mưa xuống, ý khách, bóng dương, bóng dương tà, bóng tà dương,*... lặp đi lặp lại trong hầu hết các khổ thơ khiến người đọc cảm nhận rõ hơn về khung cảnh mưa rơi, tiếng đàn mưa rả rích, tâm trạng sầu tủi của người lữ khách... Biện pháp đảo ngữ cũng được tác giả sử dụng rất sắc sảo, kết hợp với điệp thanh khiến câu thơ mang âm thanh của tiếng đàn, thể hiện rất rõ qua một số câu thơ, tiêu biểu như: *"Lầu mưa xuống, thềm lan mưa xuống"* hay *"Đầm mưa xuống nẻo đồi mưa xuống"*. Điệp thanh theo từng nhóm bằng – bằng – trắc (*lầu mưa*

xuống, đầm mưa xuống, đồi mưa xuống) kết hợp ngắt nhịp 3/4 tạo nên tính nhạc cho câu thơ, gợi hình ảnh những giọt mưa đang nối tiếp rơi xuống, liền mạch và gợi âm thanh tiếng mưa rơi tí tách, thánh thót. Biện pháp đảo ngữ nhấn mạnh cảnh vật đang chủ động đón nhận những tiếng đàn mưa, càng gợi tả được cảm giác khi từng giọt mưa rơi xuống thềm, xuống lầu như giọt đàn... Những yếu tố nghệ thuật đó đã được Bích Khê vận dụng một cách linh hoạt, sáng tạo, làm nên sức hấp dẫn của khúc đàn mưa.

Bích Khê yêu thơ, yêu nhạc. Và ông đã tạo dựng được một thế giới đầy nhạc tính trong thơ. Câu thơ nào của ông cũng ngân vang những giai điệu của tiếng lòng thi sĩ. Nếu như bài thơ *Tì bà* nổi tiếng của ông được mệnh danh là *"những cung cầm chơi vơi, vần điệu rung động cả không gian... bay ra hương, ra hoa, ra thơm, ra mát, ra ngọt, ra ngào, ra gì mê tợi run rẩy hay âm thầm nức nở lanh lảnh như giọng cười mơn man như ân tình đòi hỏi"* như Hàn Mặc Tử đã từng nói; thì *Tiếng đàn mưa* lại là một thế giới của nhạc sầu man mác, cô liêu, giao hoà nỗi nhớ nhung quê hương của thi nhân trong tiếng mưa thánh thót, tí tách. Câu thơ cuối bài: *"Mưa trong ý khách muôn hàng lệ rơi"* càng khắc sâu hơn nỗi sầu thương man mác, nỗi nhớ mong chốn quê xưa; khiến người lữ khách càng thêm sầu tủi khi chứng kiến vạn vật giao hoà cùng tiếng mưa. Bích Khê đã nghe tiếng mưa bằng cả nỗi lòng của một người lữ khách tha hương đang sầu nhớ quê cũ, hoài niệm chốn xưa; đã mở rộng tâm hồn nhạy cảm và tinh tế để lắng nghe giai điệu *tiếng đàn mưa* của đất trời và để lại một thi phẩm tuyệt vời cho hậu thế.

Tên cớm và bản thánh ca (*The Cop and the Anthem*) của O' Henry là một trong những tác phẩm tiêu biểu, thể hiện rõ nét phong cách độc trưng của ông: lối viết giản dị, hóm hỉnh nhưng thấm đượm tính nhân văn. Câu chuyện xoay quanh nhân vật Soapy, một người vô gia cư ở New York, với khao khát đơn giản là được vào tù để tránh rét trong mùa đông lạnh giá. Qua những tình huống bi hài khi Soapy tìm đủ mọi cách để bị bắt mà không thành, O' Henry đã khéo léo phơi bày những nghịch lí trong xã hội và sự bất công đối với những người kém may mắn. Đoạn kết bất ngờ, khi Soapy quyết tâm thay đổi cuộc đời nhưng lại bị bắt vì "không làm gì cả", để lại trong lòng người đọc nhiều suy ngẫm về số phận con người và sự trớ trêu của cuộc sống. Đây là một tác phẩm vừa mang tính châm biếm, vừa đậm chất nhân văn, gợi nhắc người đọc về những giá trị cốt lõi trong cuộc sống.

Trong bài viết dưới đây, mời các bạn cùng tìm hiểu về tác phẩm *Tên cớm và bản thánh ca* của tác giả O' Henry từ góc nhìn thể loại nhé.

Truyện ngắn "Tên cớm và bản thánh ca" của O' Henry nhìn từ đặc trưng thể loại

TS. Nguyễn Thị Thu Trang

William Sydney Porter (1862 – 1910), được biết đến với bút danh O' Henry, là nhà văn viết truyện ngắn nổi tiếng nhất của nước Mỹ những năm đầu thế kỉ XX. Trong sự nghiệp sáng tác của ông, tác phẩm *Tên cớm và bản thánh ca* (in trong tập *Bốn triệu – The Four Million*, 1906) là một truyện ngắn vô cùng đặc sắc, được xếp vào hàng kinh điển nhìn từ phương diện thể loại. Điều thú vị là, tác phẩm này có những điểm gặp gỡ với tác phẩm *Chí Phèo* (1941) của Nam Cao về nội dung tư tưởng và nghệ thuật.

Nhan đề *Tên cớm và bản thánh ca* – với cấu tạo là một nghịch ngữ – cũng góp phần bộc lộ sắc nét tư tưởng của nhà văn về đời sống. Nếu thánh ca là biểu tượng của sự cứu rỗi, nâng đỡ con người, là cái thiện, cái cao cả được khẳng định và đề cao thì tên cớm là đại diện cho hệ thống luật pháp không phân định rõ "trắng đen", đối nghịch với tầng lớp dân nghèo trong xã hội. Trái ngược với thái độ hoài nghi trước một xã hội hào nhoáng bề ngoài, tác giả bày tỏ niềm tin, sự trân trọng với vẻ đẹp thiên lương ẩn sâu nơi tâm hồn con người khốn khổ, từ đó phủ nhận định kiến vốn cho rằng tất cả những kẻ bị vứt ra ngoài lề pháp luật đều đáng ghét, xấu xa.

Với cốt truyện của một truyện ngắn điển hình, tác phẩm đã được *"tổ chức xoay quanh một lát cắt của đời sống"* [4; 10]: tập trung vào giai đoạn bi kịch trong cuộc đời nhân vật chính Soapy, một người vô gia cư nghèo khổ ở thành phố New York của nước Mỹ. Thường mỗi khi mùa đông sắp đến, anh ta cố ý thực hiện những hành động phạm tội vừa đủ để những *"tên cớm"* tóm cổ mình quẳng vào Khám Đảo, một nhà tù của thành phố, trong vòng ba tháng. Nhờ mánh khoé đó, bao năm qua, anh có được nơi trú ẩn tạm thời để thoát khỏi bàn tay của Thần Rét. Nhưng lần này, sau rất nhiều "nỗ lực", anh ta vẫn không bị bắt. Cho tận tới lúc chân chính nhờ nghe được giai điệu của bản thánh ca, thì cảnh sát mới tóm vì nghi ngờ ăn trộm. Sáng hôm sau, tại toà án xử những vụ vi cảnh, quan toà tuyên bố: *"Ba tháng tù ở Khám Đảo!"*. Kết cục bi hài này, đã dập tắt mong muốn làm người chân chính vừa nhen nhóm trong Soapy. Có thể thấy, với dung lượng hạn chế của truyện ngắn, cốt truyện được xây dựng khá đơn giản, ít sự kiện, chủ yếu tái hiện *"lát cắt"* thê thảm trong cuộc đời một người vô gia cư. Kết thúc truyện ngắn gọn và đầy bất ngờ mang đậm dấu ấn phong cách O' Henry, cũng là lối kết thúc theo kiểu *"chấm phá"* của truyện ngắn, vừa đủ để nhà văn bộc lộ được một cách ấn tượng cái nhìn phê phán trước hiện thực xã hội còn nhiều bất công, đồng thời bày tỏ niềm trăn trở về một cuộc sống công bằng, tốt đẹp hơn cho tầng lớp dân nghèo.

Về bút pháp xây dựng nhân vật, nhà văn O' Henry đã khắc hoạ Soapy trở thành một điển hình hoá cho số phận người vô gia cư ở nước Mỹ những năm đầu thế kỉ XX: không nhà, đói rét, sống cảnh lang thang, sợ hãi luật pháp, phải chịu nhiều sự bất công, định kiến xã hội. Mang dấu ấn của truyện ngắn hiện đại, truyện đã *"quan tâm diễn tả những thay đổi về tâm lí, ứng xử của nhân vật trong quá trình phát triển của câu chuyện"* [4; 10], tập trung vào các chi tiết tiêu biểu có giá trị tư tưởng. Mạch truyện bắt đầu ở thời hiện tại với hình ảnh *"Soapy trằn trọc trên chiếc ghế ở công viên Madison"*, ở đó *"một chiếc lá vàng rơi vào lòng Soapy"* báo hiệu mùa đông sắp đến. Đây chính là bối cảnh – cũng là một tình huống éo le để nhà văn lí giải *"tham vọng tránh rét"* của nhân vật. Hoá ra, anh khao khát *"được vào tù"* ở Khám Đảo là bởi sự sinh tồn, là để ba tháng mùa đông tới *"chắc chắn có cơm ăn, có giường ngủ và có bạn đồng cảnh thoát khỏi gió bấc và bọn cảnh sát"*. Từ điểm nhìn bên trong, nhà văn soi rọi nội tâm nhân vật để làm rõ thêm: không phải thành phố thiếu những người muốn làm từ thiện, sẵn sàng giúp người vô gia cư, nhưng với *"một tâm hồn đầy tự hào"* như Soapy thì anh không muốn chịu đựng được cảm giác *"nhục nhã về tinh thần"*, *"sự soi mói vào đời tư"* khi nhận từ thiện miếng ăn đó. Vậy nên, thay vì nhận lấy *"của làm phúc"*, anh đã cố ý thực hiện một chuỗi hành động sai trái để trở thành *"vị khách của pháp luật"* với việc: ăn quỵt, đập vỡ kính cửa hàng, chòng ghẹo cô gái trẻ, làm đủ trò như hoá rồ để gây rối trật tự hay ăn trộm ô của một vị khách giàu có... Nhà văn đã diễn tả nỗi chán ngán, thất vọng của Soapy sau mỗi lần phạm pháp táo tợn mà *"việc bị bắt hình như chỉ là một giấc mộng vàng"* và anh vẫn cứ *"phải sống tự do"*. Đặc biệt, O' Henry đã thể hiện sâu sắc và đầy cảm động diễn biến nội tâm của Soapy khi nghe được bản thánh ca – một tình huống bất ngờ đã tạo ra bước ngoặt về tâm lí, nhận thức của nhân vật. Sau những thất bại liên tiếp và đáng thất vọng, Soapy tới được một góc phố tĩnh mịch lạ thường, ở đây, anh bị thu hút bởi một ngôi nhà thờ cổ kính. Từ nơi đó, tiếng nhạc du dương của bản thánh ca, lọt vào tai Soapy, khiến tâm hồn anh trở nên vô cùng nhạy cảm. Bản nhạc gợi anh nhớ lại thời quá khứ tốt đẹp khi *"anh còn người mẹ, hoa hồng, ước mơ và bạn bè"*, khiến anh ý thức sâu sắc về thực tại kinh hoàng: *"nhìn thấy vực sâu anh đã rơi xuống, những thèm khát thấp hèn, những hoài vọng đã chết..."*. Nhờ đó, lòng anh thôi thúc ý chí chiến đấu chống lại số phận tuyệt vọng: *"Anh sẽ tự kéo mình ra khỏi vũng bùn, anh sẽ chiến thắng cái xấu đang chiếm lĩnh con người anh"*, *"Ngày mai anh sẽ tới khu buôn bán ồn ào, náo nhiệt của thành phố để tìm việc"*, *"Anh sẽ như những người chân chính khác"*,... Đúng lúc ý nghĩ *"anh sẽ tìm ông ta để xin việc"* thì "bàn tay" của cảnh sát đặt lên cánh tay anh ta. Và anh ta lại vào "Khám Đảo". Bằng bút pháp phân tích, diễn tả nội tâm nhân vật, O' Henry đã xây dựng một nhân vật Soapy trở nên sống động, chân thực và phức tạp: một Soapy vì đói rét mà trở nên quẫn trí làm liều; một Soapy bị bóp nghẹt bởi lòng tự ái; một Soapy chán ghét, bất mãn với xã hội; một Soapy đáng thương với mong muốn được làm người tử tế. Có thể thấy, nhân vật Soapy được xây dựng trong tác phẩm là một điển hình của những người vô gia cư khốn cùng, bị tha hoá về phẩm chất, và dù cuộc sống có bế tắc thì thẳm sâu trong tâm hồn vẫn là khát vọng hướng tới một cuộc đời có giá trị.

Về nghệ thuật tự sự, *Tên cớm và bản thánh ca* mang một số dấu ấn của truyện ngắn hiện đại về mạch kể, điểm nhìn, lời văn và giọng kể. O' Henry đã lựa chọn người kể chuyện ẩn danh (ngôi thứ ba) với điểm nhìn trần thuật có sự đan xen khá linh hoạt giữa bên ngoài và bên trong, kết hợp điểm nhìn của người kể chuyện và điểm nhìn nhân vật. Câu chuyện được diễn ra trong khoảng thời gian ngắn chưa đến một ngày: từ tối hôm trước khi Soapy rời công viên Madison cho đến sáng hôm sau, tại một toà án của thành phố. Mặc dù truyện được trần thuật theo thời gian tuyến tính mang phong cách cổ điển, tuy nhiên, mạch

kể không dàn trải mà chủ ý tập trung vào các sự kiện, chi tiết xoay quanh các tình huống éo le, bất ngờ, góp phần bộc lộ nội tâm, tính cách và số phận nhân vật. Đối thoại trong truyện không nhiều, lời thoại của nhân vật đi theo xu hướng ngắn gọn của truyện ngắn. Lời kể và giọng kể cũng là điểm hấp dẫn, mang màu sắc hiện đại với sự hoà trộn nhiều sắc thái: vừa hài hước, mỉa mai, vừa chua xót và cảm thông. Với biệt tài kể chuyện của mình, O' Henry đã thể hiện sâu sắc chủ đề, tư tưởng truyện. Xoay quanh đề tài về người vô gia cư, điều ông trăn trở nhất, muốn chia sẻ cùng độc giả chính là cảnh sống bế tắc và sự tha hoá của tầng lớp này. Truyện mang giá trị hiện thực sâu sắc, đồng thời cũng gửi gắm những thông điệp nhân đạo, hướng tới một xã hội nhân văn nơi mọi người đều được quyền làm người chân chính, sống cuộc đời không tầm thường, vô nghĩa.



Trong cái nhìn đối sánh, có thể thấy những điểm gặp gỡ thú vị giữa *Tên cớm và bản thánh ca* của O' Henry với truyện ngắn *Chí Phèo* của Nam Cao về nội dung tư tưởng và nghệ thuật. Về nghệ thuật, hai tác phẩm đều là những truyện ngắn điển hình. Cốt truyện ngắn gọn, tập trung vào một "lát cắt" của hiện thực, qua đó O' Henry đã phản ánh đời sống của những người vô gia cư trên đất Mỹ những năm đầu thế kỉ XX, còn Nam Cao đã cho thấy cuộc đời bi kịch của những người nông dân bị lưu manh hoá ở xã hội Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám năm 1945.

Trong cái nhìn đối sánh, có thể thấy những điểm gặp gỡ thú vị giữa *Tên cớm và bản thánh ca* của O' Henry với truyện ngắn *Chí Phèo* của Nam Cao về nội dung tư tưởng và nghệ thuật. Về nghệ thuật, hai tác phẩm đều là những truyện ngắn điển hình. Cốt truyện ngắn gọn, tập trung vào một "lát cắt" của hiện thực, qua đó O' Henry đã phản ánh đời sống của những người vô gia cư trên đất Mỹ những năm đầu thế kỉ XX, còn Nam Cao đã cho thấy cuộc đời bi kịch của những người nông dân bị lưu manh hoá ở xã hội Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám năm 1945. Mạch kể đều có xu hướng tập trung vào các biến cố, các chi tiết diễn tả tâm lí, hành động của nhân vật. Ngôn ngữ súc tích với giọng kể đa sắc thái vô cùng hấp dẫn. Các lời kể, tả từ điểm nhìn bên trong đều góp phần thể hiện được nội tâm, số phận nhân vật. Từ *Tên cớm và bản thánh ca* đến *Chí Phèo*, ta có thể thấy dấu ấn đậm nét hơn của truyện ngắn hiện đại khi nhà văn Nam Cao sử dụng trình tự trần thuật phi tuyến tính, diễn tả sâu hơn ngõ ngách nội tâm nhân vật Chí Phèo trong hiện tại và quá khứ, sáng tạo ngôn ngữ đa thanh độc đáo với những đối thoại thể hiện sắc nét cá tính nhân vật... Về nội dung, hai truyện có điểm gặp gỡ khi cùng khai thác mảng đề tài về những người khốn khổ dưới đáy của xã hội và tập trung vào vấn đề con người bị tha hoá về nhân tính. Tất nhiên, mỗi nhà văn có cách lí giải riêng về mặt chủ đề, nhưng điểm chung là tầm nhìn, tư tưởng của những nhà nhân đạo chủ nghĩa lớn. Người đọc chắc hẳn sẽ có sự liên tưởng, so sánh thú vị giữa chi tiết *"bát cháo hành"* và *"bản thánh ca"*: một bên là vẻ đẹp mộc mạc, thấm đẫm tình người từ một món ăn giản dị, mang đậm nét văn hoá nông thôn Việt Nam, còn bên kia là vẻ đẹp tao nhã từ bản thánh ca, mang dấu ấn của nền văn hoá Thiên Chúa giáo. Tuy khác nhau về dáng vẻ bề ngoài, nhưng chúng đều là sự hiện diện của cái đẹp, cái thiện, có sức mạnh cứu rỗi, nâng đỡ tâm hồn của con người. Sự hiện diện và sức mạnh đó thể hiện niềm tin và khát vọng mãnh liệt của mỗi nhà văn, cũng là điểm tiến bộ của chủ nghĩa nhân đạo: phê phán nhưng không bi quan với nhân sinh mà hướng tới khát vọng cải tạo, thay đổi hiện thực để xã hội trở nên tốt đẹp hơn.

Truyện ngắn thường được ví von *"...như mặt cắt giữa một thân cây cổ thụ. Chỉ liếc qua những đường vân trên cái khoanh gỗ tròn tròn kia, dù sau trăm năm vẫn thấy cả cuộc đời của thảo mộc"* (Nguyễn Minh Châu). Với bút pháp điển hình hoá, tác phẩm *Tên cớm và bản thánh ca* của nhà văn O' Henry đã khắc hoạ thành công chân dung nhân vật Soapy, cũng là cảnh đời của những người vô gia cư trên đất Mỹ những năm đầu thế kỉ XX. Từ góc nhìn so sánh, có thể thấy *Tên cớm và bản thánh ca* của O' Henry và *Chí Phèo* của Nam Cao thể hiện một số nét đặc trưng cũng như sự vận động của truyện ngắn hiện đại, phong cách sáng tạo riêng của mỗi nhà văn, đồng thời cũng cho thấy những điểm gặp gỡ đầy thú vị, bất ngờ trong sáng tạo nghệ thuật, đặc biệt là tầm nhìn của những nhà nhân đạo chủ nghĩa lớn với niềm tin về nhân tính và khát vọng nhân quyền cho con người.

Tài liệu tham khảo:

1. Nguyễn Hồng Dũng (05-04-2009), *Truyện ngắn O' Henry*, Tạp chí *Sông Hương*, số 183 (tháng 5). Nguồn: *http://tapchisonghuong.com.vn*.
2. Nguyễn Thị Kiều Anh, Nguyễn Thị Vân Anh, Hoàng Thị Duyên, Mai Thị Hồng Tuyết (2022), *Văn bản, tác phẩm và thể loại văn học*, NXB Giáo dục Việt Nam.
3. O' Henry. Nguồn: *https://americanliterature.com/author/o-henry*.
4. Nhiều tác giả (2023), *Ngữ văn 11*, tập một, bộ *Kết nối tri thức với cuộc sống*, NXB Giáo dục Việt Nam.
5. Trần Ngọc Tuấn (20/11/2021), *Đặc trưng của truyện ngắn*, Tạp chí *Giáo dục Thành phố Hồ Chí Minh*. Nguồn: *https://www.giaoduc.edu.vn*.



Truyện trinh thám từ lâu đã chiếm một vị trí đặc biệt trong lòng độc giả toàn cầu, với những câu chuyện li kì và đầy bất ngờ từ các thám tử huyền thoại như Sherlock Holmes của Arthur Conan Doyle hay Hercule Poirot của Agatha Christie. Thể loại này không chỉ đem lại những giây phút giải trí mà còn kích thích tư duy, đưa người đọc vào những cuộc phiêu lưu trí tuệ hấp dẫn. Trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018, lần đầu tiên truyện trinh thám được chính thức đưa vào Chương trình giảng dạy môn Ngữ văn. Bài viết dưới đây sẽ giúp chúng ta khám phá sâu hơn về khái niệm, đặc điểm, nhân vật, cấu trúc câu chuyện và những yếu tố làm nên sức hút đặc biệt của thể loại này.

Khái quát về thể loại truyện trinh thám

ThS. Nguyễn Phước Bảo Khôi

GV. Khoa Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh

1. TỪ KHÁI NIỆM...

Thuật ngữ "truyện trinh thám" (detective story) được hiểu là những tác phẩm văn xuôi tự sự kể lại quá trình một hoặc một số thám tử tài năng tìm ra bí ẩn của vụ án. Bí ẩn này có thể là sự thật đằng sau, nguyên nhân xảy ra hoặc tội phạm gây nên vụ án.

Từ khái niệm này, chúng ta có thể phần nào hiểu được câu chuyện đặc thù, nhân vật đặc biệt cũng như những chi tiết tiêu biểu, đặc trưng của tác phẩm truyện trinh thám.

2. ... ĐẾN ĐẶC ĐIỂM THỂ LOẠI...

Chúng ta dễ dàng đồng thuận với quan điểm sau về đặc điểm nổi bật của truyện trinh thám: *"Bản thân tên gọi thể loại đã làm nổi bật một vài đặc điểm của riêng nó. Thứ nhất, nó nói lên nghề nghiệp của nhân vật chính. [...] Thứ hai, chúng tỏ đây là truyện vụ án, truyện viết về tội phạm, một loại truyện rất phổ biến ở các nước phương Tây. Thứ ba, nó mách bảo người sáng tác cách xây dựng cốt truyện: phải giữ đến cùng những bí mật của tội phạm để tạo nên sự hấp dẫn, khiến người đọc luôn ở trạng thái căng thẳng."*[1]. Quan điểm này cũng thống nhất với cách hiểu suy rộng từ khái niệm thể loại. Từ đây, những yếu tố quan trọng thể hiện màu sắc riêng của truyện trinh thám có thể được xác định như sau:

2.1. Nhân vật

Dẫu tác phẩm có các nhân vật đảm nhiệm chức năng làm nhân chứng, trong các nhân chứng sẽ có tội phạm ẩn thân cuối cùng phải hiển lộ, song bản thân thuật ngữ "detective story" đã cho chúng ta biết về nhân vật chính của truyện trinh thám chính là các thám tử hoặc các nhà điều tra. *Từ điển Cambridge* đưa ra quan niệm về thám tử (detective) như sau: *"a police officer or someone whose job is to discover information about crimes and find out who is responsible for them"* (một nhân viên cảnh sát hoặc ai đó có công việc là khám phá thông tin về tội ác và tìm ra ai chịu trách nhiệm cho chúng). Như vậy, dù là viên chức của cơ quan hành pháp (mật thám, điều tra viên) hay hoạt động độc lập (theo kiểu thám tử tư), nhân vật chính của truyện trinh thám đều có nhiệm vụ chung là điều tra, khám phá bí mật còn lẩn khuất trong bóng tối. Chẳng hạn, trong truyện trinh thám của Arthur Conan Doyle nổi bật lên nhân vật thám tử Sherlock Holmes, tương tự như vậy là Hercule Poirot trong tiểu thuyết trinh thám của Agatha Christie, với *Gói thuốc lá* (Thế Lữ) là Lê Phong và *Ba viên ngọc bích* (Phạm Cao Củng) là nhân vật Kỳ Phát. Đây là những người có khả năng quan sát tinh tường, phân tích, suy luận, đánh giá sắc bén – tất cả hoà quyện với nhau tạo nên kĩ năng điều tra vượt trội, giúp họ có thể phá án thành công. Ngoài ra, một điều không kém phần quan trọng có thể giúp nhân vật thám tử phá án thành công là việc tận dụng tốt các mối quan hệ xã hội. Kết quả phá án của họ cũng phụ thuộc vào khả năng tiếp xúc, giao lưu với nhiều thành phần trong xã hội. Do vậy, dù có thể hành động một cách đơn độc, tách biệt nhưng thám tử cần tổng hợp thông tin từ nhiều nguồn để tiến hành phân tích, tổng hợp, phán đoán mà nhanh chóng tìm ra cốt lõi của vấn đề. Để làm nổi bật những ưu điểm vượt trội trên của thám tử, việc tổ chức câu chuyện trong truyện trinh thám là rất quan trọng. Nói cách khác, trong truyện trinh thám, nhân vật thám tử có vai trò quyết định đối với nội dung câu chuyện.

2.2. Tổ chức câu chuyện

Phần "story" trong thuật ngữ về thể loại đã nhấn mạnh đến khía cạnh câu chuyện, tức nội dung tự sự của tác phẩm. Theo diễn trình thông thường, câu chuyện có thể được xảy ra như sau: *Vụ án xảy ra – Thám tử được mời đến để điều tra vụ án – Thủ phạm của vụ án được tìm ra*. Dẫu vậy, câu chuyện trong tác phẩm trinh thám thường không sắp xếp theo trật tự tuyến tính (trật tự biên niên thực tế) mà sẽ theo trình tự sau: *Vụ án được báo cho thám tử – Thám tử đến điều tra, phá*

án, trình bày lại diễn biến vụ án – Thủ phạm lộ diện. Cách tổ chức này không chỉ tăng mức độ thu hút của tác phẩm mà còn làm nổi rõ được vai trò, tài năng của nhân vật thám tử.

Chẳng hạn, trong truyện *Ba viên ngọc bích* (Phạm Cao Củng), vụ án bắt đầu bằng câu chuyện chuỗi ngọc quý báu bỗng dưng biến mất không dấu vết ở nhà anh Tham Lượng, người bạn thân của thám tử Kỳ Phát. Thám tử được mời đến, từ đó, với tài năng của mình, thám tử đã xoá đi lớp sương mù nghi hoặc vây quanh người đánh xe tội nghiệp. Qua sự kết nối các thông tin (từ lời khai của các nhân vật đến sự tinh cờ phát hiện câu chuyện trăng hoa của anh Tham Lượng, gắn với việc chính bản thân người điều tra thực nghiệm tình huống), cuối cùng vụ án đã được hoá giải một cách nhẹ nhàng, vừa hợp tình hợp lí, vừa khá thú vị.

Hơn thế, để kiến tạo nên kịch tính của tác phẩm, yếu tố không gian và thời gian cũng được các tác giả chú ý. Không gian trong truyện vừa là nơi diễn ra vụ án, vừa là nơi lưu giữ các manh mối về vụ án (vết tích, hành tung của tội phạm, quá khứ/hành động bất thường của nạn nhân hoặc những người liên quan,...). Đây cũng là không gian diễn ra hoạt động điều tra, phá án. Thời gian trong truyện trinh thám được biểu thị bằng thời gian hiện tại diễn ra các hoạt động điều tra, từ lúc khởi đầu cho đến khi vạch mặt tội phạm. Bên cạnh đó, thời gian của truyện có thể gắn với những hồi cố liên tục khi thám tử (hoặc các nhân chứng) liên tưởng, hình dung, tường thuật về những tình tiết đã xảy ra để dẫn đi đến những kết luận quan trọng.

Không gian trong truyện trinh thám có thể thu hẹp như ngôi trường (*Ba chàng sinh viên* của Arthur Conan Doyle) hoặc ngôi nhà, gian phòng (*Bài hát sáu đồng xu* của Agatha Christie) cũng có thể mở rộng (từ ngôi nhà của anh Tham Lượng đến Nhà hát lớn rồi xóm hát ả đào trong *Ba viên ngọc bích* của Phạm Cao Củng). Thời gian cũng có thể kéo dài (một vài tuần hoặc vài ngày) hay thu ngắn (chỉ trong vài giờ). Không gian được thu hẹp và thời gian được thu ngắn đã tạo nên sức ép trong quá trình điều tra đối với thám tử và cũng tăng thêm kịch tính cho câu chuyện. Tất yếu, kết quả của những thách thức này sẽ dẫn đến hệ quả tôn vinh đối với kết quả phá án của nhân vật chính.

2.3. Lựa chọn chi tiết tiêu biểu

Trong cấu trúc tự sự của câu chuyện (story), các chi tiết tiêu biểu là điều không thể bỏ qua, đặc biệt là với truyện trinh thám. Yếu tố này trong truyện trinh thám là loại chi tiết gắn với các tình huống có tác dụng gợi mở phán đoán đối với hoạt động điều tra vụ án. Từng chi tiết trở thành một bằng chứng hoặc một manh mối quan trọng trong quá trình phá án. Theo lí thuyết của Roland Barthes, các chi tiết tiêu biểu này đảm nhận chức năng xúc tác cho câu chuyện, đảm bảo sự tiếp tục của điều mà chức năng chính yếu đã khởi đầu – tình tiết quan trọng khởi phát vụ án. Cũng vì thế, những chi tiết tiêu biểu này nhanh chóng được giải phóng khỏi vai trò của chỉ hiệu thông tin (không bắt buộc độc giả diễn giải ý nghĩa) để trở thành chỉ hiệu thuần tuý (những yếu tố bắt buộc phải giải mã). Điều thú vị là quá trình giải mã những chỉ hiệu thuần tuý này là một hành trình mà nhân vật chính và cả độc giả (có thể diễn ra song song hoặc tiếp nối từ nhân vật chính sang độc giả) liên tục có những liên tưởng, gắn kết, phán đoán, kiểm chứng.

Những chi tiết ấy chính là trường hợp của tấm danh thiếp với dòng chữ bí ẩn "X.A.E.X.I.G" trong truyện *Gói thuốc lá* (Thế Lữ), là bốn chiếc đĩa ghép lại theo trình tự để cấu thành bài thơ thất ngôn bát cú Đường luật trong *Ngôi mộ cổ* của Phạm Cao Củng, là đồng 6 xu trong *Bài hát sáu đồng xu* (Agatha Christie), là mẩu đất sét đen cứng trộn ít vỏ cây mịn hoặc mùn cưa rải ở sân tập dành cho vận động viên nhảy xa trong *Ba chàng sinh viên* (Arthur Conan Doyle),... Từ những chi tiết này, kết nối với các thông tin khác, hành trình phá án được hoàn kết, câu chuyện kết thúc với rất nhiều bất ngờ, ấn tượng.

3. THAY LỜI KẾT

Xuất phát từ thuật ngữ định danh thể loại, chúng tôi đã khai phá, mở rộng dần các yếu tố chính yếu cần tập trung làm rõ khi tiếp cận với truyện trinh thám. Là thể loại tự sự, việc khai thác tác phẩm cũng không thể nằm ngoài câu chuyện, nhân vật, không gian, thời gian, chi tiết tiêu biểu. Ngoài ra, đặc trưng thể loại cũng có những quy ước để những yếu tố trên vận động li tâm khỏi cốt lõi tự sự chung mà kiến tạo nên những tác phẩm trinh thám đầy hấp dẫn, hoà hợp giữa chức năng giải trí và chuyển tải đạo lí, thực sự trở thành *"một dạng của trò chơi trí tuệ, [...] một sự thử thách mang tính thể thao, trong đó tác giả cần phải đọ sức một cách trung thực với độc giả"*[2] như nhà phê bình nghệ thuật, nhà văn Mỹ S.S Van Dine từng khẳng định.

Chú thích:

1. Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi (2009), *Từ điển thuật ngữ văn học*, NXB Giáo dục, Hà Nội, tr.341.

2. Dẫn theo Nguyễn Thành Khánh (2016), *Truyện trinh thám Việt Nam nửa đầu thế kỉ XX – Từ đặc trưng thể loại*, Luận án Tiến sĩ *Ngôn ngữ và Văn hoá Việt Nam*, Trường Đại học Khoa học – Đại học Huế.

ĐỒNG HÀNH CÙNG CT&SGK

VH&TT giới thiệu tới bạn đọc chuỗi bài viết của PGS.TS. Dương Tuấn Anh (GV. khoa Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội) về từ Hán Việt có trong (GV. khoa Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội) về từ Hán Việt có trong các văn bản ngữ liệu của SGK Ngữ văn (CTGDPT 2018). Các bài viết sẽ giúp các em học sinh:

▲ Giải đáp các thắc mắc về từ Hán Việt xuất hiện trong các văn bản đọc.

▲ Mở rộng vốn từ có nét nghĩa tương đương, thêm tư liệu/vấn đề hấp dẫn xoay xung quanh từ ngữ Hán Việt.

▲ Có thêm tư liệu để có thể hiểu sâu hơn về tác phẩm.

Mạn đàm về chữ "lục" 錄 trong văn học trung đại

PGS.TS. Dương Tuấn Anh

Thưa thầy, *Truyện Kiều* có câu: *"Cảo thơm lần giở trước đèn/ Phong tình cổ lục còn truyền sử xanh."*. Chúng em xin hỏi "phong tình cổ lục..." là gì ạ? Tìm hiểu trong thời kì trung đại, chúng em biết có các tác phẩm mà trong tên gọi có chữ "lục" như *Truyền kì mạn lục, Đại Nam thực lục, Thiên Nam ngữ lục*,... Xin thầy giải thích thêm ạ!

1. CHỮ "LỤC" 錄 TRONG CÂU THƠ "PHONG TÌNH CỔ LỤC CÒN TRUYỀN SỬ XANH"

Trong ngôn ngữ Hán, *lục* 錄 có nghĩa là ghi chép, sao chép (động từ); văn bản ghi chép, sao chép (danh từ). Trong ngôn ngữ Việt hiện nay, *lục* 錄 thường được sử dụng như một yếu tố Hán Việt, kết hợp với các yếu tố khác để tạo từ. Với nghĩa là "sao chép, ghi chép", yếu tố *lục* 錄 xuất hiện trong các từ *kỉ lục* (thành tích hoặc đặc điểm có giá trị cao nhất được ghi nhận trong một khoảng thời gian, phạm vi nhất định), *sao lục* (chép lại đúng như bản gốc), *trích lục* (rút ra từng phần rồi sao chép lại),... Với nghĩa là "văn bản ghi chép, sao chép", yếu tố *lục* 錄 xuất hiện trong các từ *bị vong lục* (văn bản ghi nhớ, mô tả ngắn gọn chủ đề cũng như các sự kiện liên quan; văn bản ngoại giao được trình bày một



Trang đầu cuốn Phong tình cổ lục (Truyện Kiều) lưu tại Thư viện Quốc gia Việt Nam, mã số R987; câu thơ "Phong tình cổ lục còn truyền sử xanh" trong khung chữ nhật.

cách có hệ thống về một vấn đề, do chính phủ hay bộ ngoại giao công bố nhằm làm rõ quá trình diễn biến của vấn đề, sự kiện nào đó đã bị xuyên tạc hoặc vi phạm nhằm khẳng định sự thật và tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ của dư luận quốc gia và quốc tế), *mục lục* (phần ghi chép các mục cùng số trang ở trong sách, tạp chí; bản danh mục), *phụ lục* (phần tài liệu, ghi chép kèm theo để bổ sung cho tài liệu chính),...

Trường hợp sử dụng *lục* 錄 độc lập với tư cách là một từ như trong câu Kiều *"Phong tình cổ lục còn truyền sử xanh"* là hiếm gặp, và hầu như không còn xuất hiện trong diễn đạt tiếng Việt hiện đại. Riêng về câu thơ này, bản khắc năm 1870 và một số bản chép tay chữ Nôm khác dùng chữ *cổ* 古 trong cụm từ "phong tình cổ lục"; còn nhiều bản chữ Nôm khác dùng chữ *cố* 固. Tất nhiên, hai chữ khác nhau thì cả cụm từ cũng có nghĩa khác nhau (trong đó, nghĩa chữ *lục* 錄 cũng có sự khác biệt). Trường hợp thứ nhất, "phong tình cổ lục" nghĩa là "văn bản ghi chép xưa về chuyện tình yêu nam nữ", chữ *lục* được dùng với vai trò

của danh từ. Trường hợp thứ hai, cụm từ "phong tình có lục" nghĩa là "chuyện tình yêu nam nữ có được ghi chép lại", chữ *lục* lại được sử dụng với vai trò là một động từ.

2. CHỮ LỤC 錄 TRONG TÊN TÁC PHẨM THỜI KÌ TRUNG ĐẠI

Các tác phẩm có chữ *lục* 錄 ở cuối tên gọi như *Truyền kì mạn lục, Kiến văn tiểu lục, Đại Nam thực lục, Thiên Nam ngữ lục, Bắc hành tạp lục, Tang thương ngẫu lục, Bang giao lục* xuất hiện rất phổ biến. Riêng trong kho sách của Viện Nghiên cứu Hán Nôm đã có hàng trăm đầu mục sách thuộc dạng này.

Trong số các đầu sách này, tên một số tác phẩm được cấu tạo theo mô thức: nội dung (hoặc đối tượng) được đề cập trong tác phẩm + *lục* 錄, tạm dịch là "ghi chép/sao chép/bản ghi chép/bản sao chép...". Chẳng hạn *Bách thần lục* (ghi chép về các vị thần), *Giá Viên biệt lục* (ghi chép về việc lên đường đi sứ của Giá Viên), *Quốc triều khoa bảng lục* (ghi chép về những người đỗ đạt dưới triều Nguyễn), *Toàn Việt thi lục* (sao chép thơ của toàn nước Việt), *Tiết phụ tích lục* (ghi chép truyện người phụ nữ tiết hạnh),...

Trong phần lớn các trường hợp, yếu tố *lục* 錄 lại được sử dụng kết hợp với một yếu tố khác thành một tổ hợp. Trong tên các đầu sách lưu tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm, có thể thống kê được hơn 30 dạng thức tổ hợp như vậy (phần trong ngoặc đơn là tạm dịch từ nghĩa của từng yếu tố trong tổ hợp), cụ thể:

◆ *Bảo lục* (ghi chép/bản ghi quý báu), như trong các tác phẩm *Đại Việt Lê triều Thanh Hoa nội đạo tràng tam thánh bảo lục, Địch cát bảo lục, Hưng Đạo chính kinh bảo lục, Huyền thiên thượng đế bảo lục; Phượng sơn nữ kính bảo lục,...*

◆ *Bí lục* (ghi chép/bản ghi chép bí mật/thần bí), như trong các tác phẩm *Đậu chứng bí lục, Tây dương Gia tô bí lục,...*

◆ *Biệt lục* (ghi chép/bản ghi chép riêng) như trong các tác phẩm *Giá Viên biệt lục, Linh đường Nguyễn tộc gia phả biệt lục,...*

◆ *Bút lục* (ghi chép/bản ghi chép), như trong các tác phẩm *Danh gia bút lục, Danh thần bút lục, Hoa trình ngẫu bút lục, Yên thiều bút lục,...*

◆ *Chú lục* (ghi chép/bản ghi chép giải thích cho rõ), như trong tác phẩm *Quốc triều khánh kị nghi chú lục.*

◆ *Cổ lục* (ghi chép/bản ghi chép về những điều xưa cũ) như trong các tác phẩm *Cổ lục, Đình miếu đối liên cổ lục, Hà thành linh tích cổ lục, Linh từ cổ lục, Thánh chân thái chưởng đại vương ngọc phả cổ lục, Trưng nữ vương triều âm phù nhị vị đại vương ngọc phả cổ lục, Vân Cát thần nữ cổ lục,...*

◆ *Dã lục* (ghi chép/bản ghi chép quê mùa), như trong các tác phẩm *Hậu Lê dã lục, Mai Phong du tây hành dã lục,...*

◆ *Di lục* (ghi chép/bản ghi chép lưu lại), như trong các tác phẩm *Bi Nhu quận công hành trạng di lục, Sứ trình di lục.*

◆ *Dị lục* (ghi chép/bản ghi chép về những điều khác thường), như trong tác phẩm *Thính văn dị lục.*

◆ *Hội lục* (ghi chép/bản ghi chép tập hợp), như trong các tác phẩm *Nam Việt thần kì hội lục, Ngô gia văn hội lục, Trung ngoại quần anh hội lục,...*

◆ *Hợp lục* (ghi chép/bản ghi chép gộp), như trong các tác phẩm *Kinh nghĩa hợp lục, Phú thi hợp lục, Quần phương hợp lục trường biên, Văn sách hợp lục,...*

◆ *Kí lục* (ghi chép/bản ghi chép), như trong các tác phẩm *Kiểu đại vương thượng đẳng thần kí lục, Long kiểu linh thánh chiêu ứng kiểu đại vương thượng đẳng thần kí lục,...*

◆ *Mạn lục* (ghi chép/bản ghi chép tản mạn), như trong các tác phẩm *Truyền kì mạn lục, Tân biên truyền kì mạn lục,...*

◆ *Mục lục* (ghi chép/bản ghi chép danh mục), như trong các tác phẩm *Ca trù cách thức mục lục, Chính Hoà chiếu thư mục lục, Đại tạng kinh mục lục, Hoàng triều chính yếu mục, Nghĩa Đô xã danh hiệu mục lục tập, Quốc triều hình luật mục lục, Thiên hạ bản đồ mục lục,...*

◆ *Ngẫu lục* (ghi chép/bản ghi chép ngẫu nhiên), như trong các tác phẩm *Bắc Minh sổ vũ ngẫu lục, Tang thương ngẫu lục,...*

◆ *Ngữ lục* (ghi chép/bản ghi chép lại lời nói), như trong các tác phẩm *Thiên Nam ngữ lục, Cổ Châu Pháp Vân Phật bản hạnh ngữ lục,*

Hương Hải thiền sư ngữ lục, Thượng sĩ ngữ lục, Việt quốc Yên Tử sơn Trúc Lâm chư tổ thánh đăng ngữ lục,...

◆ *Phả lục* (ghi chép/bản ghi chép sự tích hoặc thế thứ các nhân vật), như trong các tác phẩm *Cổ Châu tứ pháp phả lục, Hùng thời thượng như trong các tác phẩm Lý triều đại thần nhất vị âm phù nhất triều nhất vị tôn thần phả lục, Nam hải tứ vị thánh nương phả lục, Táo tiên sinh vị đại vương phả lục, Trưng vương công thần phả lục,...*

◆ *Sao lục* (ghi chép/bản ghi chép; sao chép/bản sao chép), như trong các tác phẩm *Bá Đa Lộc sắc văn tinh tạp văn thi sao lục, Biểu văn sao lục, Bộ văn sao lục, Chiếu biểu sao lục, Độc bộ xã thần từ bi kí tinh biển sao lục, Dược phương sao lục, Hoàng triều biểu văn sao lục,...*

◆ *Tân lục* (ghi chép/bản ghi chép mới) như trong các tác phẩm *Nhị thập tứ đề tân lục, Trùng tương tân lục,...*

◆ *Tạp lục* (ghi chép/bản ghi chép lẫn lộn nhiều thứ khác nhau) như trong các tác phẩm *Bắc hành tạp lục, Bẩm văn biểu văn tạp lục, Bi kí biểu văn tạp lục, Biểu thể chiếu thể tạp lục, Binh pháp tạp lục, Ca trù tạp lục, Cách ngôn tạp lục, Đàm thoại thi văn tạp lục, Đối liên ca chương tạp lục,...*

◆ *Tập lục* (輯錄 ghi chép/bản ghi chép góp nhặt), như trong tác phẩm *Danh biên tập lục.*

◆ *Tập lục* (集錄 ghi chép/bản ghi chép tập hợp), như trong các tác phẩm *Đại Nam thiền uyển truyền đăng tập lục, Sách văn thể tập lục, Thiện thư tập lục, Tổng lí bang giao tập lục,...*

◆ *Thiền lục* (ghi chép/bản ghi chép nơi của Thiền), như trong tác phẩm *Song Quang thiền lục.*

◆ *Thô lục* (ghi chép/bản ghi chép thô lậu), như trong tác phẩm *Lão song thô lục.*

◆ *Thông lục* (ghi chép/bản ghi chép toàn diện), như trong các tác phẩm *Bắc sứ thông lục, Lí âm thông lục,...*

◆ *Thực lục* (ghi chép/bản ghi chép thực tế), như trong các tác phẩm *Lam Sơn thực lục, Đại Việt Lê triều đế vương trung hưng công nghiệp thực lục, Bình Hưng thực lục, Bắc Nam thực lục, Đoàn thị thực lục, Đại Nam thực lục,...*

◆ *Tiệp lục* (ghi chép/bản ghi chép nhanh), như trong các tác phẩm *Đại Nam sự loại tiệp lục, Đại Việt sử kí tiệp lục tổng tự, Nam Hà tiệp lục, Ngô gia văn phái quốc sử tiệp lục, Thi kinh tiệp lục,...*

◆ *Tiết lục* (ghi chép/bản ghi chép chọn lọc), như trong các tác phẩm *Duyệt vi kí tiết lục, Tự điển tiết lục,...*

◆ *Tiểu lục* (ghi chép/bản ghi chép nhỏ), như trong các tác phẩm *Hựu chiêm tiểu lục, Kiến văn tiểu lục, Mai Liễu tiểu lục, Na Lộc thần khảo tiểu lục,...*

◆ *Tổng lục* (ghi chép/bản ghi chép tổng hợp) như trong các tác phẩm *Hộ nhi phương pháp tổng lục, Hưng Hoá tỉnh nhân vật phong thổ tổng lục, Lịch đại danh nhân tổng lục,...*

◆ *Trích lục* (ghi chép/bản ghi chép phần được chọn), như trong các tác phẩm *Công dư tiệp kí trích lục, Nam Việt địa dư trích lục, Phùng thị trích lục, Tân văn trích lục, Tế văn trích lục, Truyện kí trích lục, Việt sự trích lục, Y khoa trích lục,...*

◆ *Truyền lục* (ghi chép/bản ghi chép truyền lại) như trong các tác phẩm *Cổ kim truyền lục, Đặng tiên sinh trị chẩn đậu gia truyền lục, Kim cổ truyền lục,...*

◆ *Tùng lục* (ghi chép/bản ghi chép những điều tích góp được) như trong các tác phẩm *Quốc âm tùng lục, Ỷ ngữ tùng lục,...*

◆ *Yếu lục* (ghi chép/bản ghi chép quan trọng), như trong các tác phẩm *Bản thảo yếu lục, Khuyến trừng thiết yếu lục, Nhãn khoa yếu lục, Pháp thí yếu lục,...*

3. LỤC 錄 TỪ GÓC NHÌN THỂ LOẠI

Có một thực tế là nhiều tác phẩm (đặc biệt là các tác phẩm có giá trị văn học) thời kì trung đại ở cả Việt Nam và Trung Quốc thường nêu tên thể loại ngay trong tên của tác phẩm, chẳng hạn *Thiên đô chiếu* (Lý Công Uẩn) thuộc thể loại chiếu, *Bạch Đằng giang phú* (Trương Hán Siêu) viết bằng thể phú, *Dụ chư tì tướng hịch văn* (Trần Quốc Tuấn) thuộc thể loại hịch, *Bình Ngô đại cáo* (Nguyễn Trãi) thuộc thể cáo, *Tì bà hành* (Bạch Cư Dị) được viết theo thể hành... Việc chữ *lục* 錄 xuất hiện trong tên của nhiều tác phẩm thời kì trung đại liệu có phải là dấu hiệu cho biết những tác phẩm ấy thuộc "thể loại *lục*"?

Đầu tiên phải khẳng định "lục" được coi là một thể (thể lục, thuộc loại hình kí), nhưng chưa từng được ghi nhận với tư cách là một thể loại. Chữ *lục* 錄 vốn mang ý nghĩa là "ghi chép/sao chép" hay "bản ghi chép/bản sao chép".

Vì vốn mang nghĩa như vậy, các văn bản sử dụng chữ *lục* 錄 trong tên gọi có thể lưu trữ các tác phẩm thuộc về các thể loại rất khác nhau (tản văn, thơ, biểu, tấu,...), không có đặc điểm đặc thù về nội dung và hình thức thể hiện. Các văn bản này cũng có thể ghi chép các thông tin thuộc các lĩnh vực rất khác nhau: văn hoá (như *Hưng Hoá tỉnh nhân vật phong thổ tổng lục,...*), lịch sử (như *Đại Nam thực lục...*), y học (như

Đặng tiên sinh trị chẩn đậu gia truyền lục...), đạo đức (như *Khuyến trừng thiết yếu lục*...), tôn giáo (như *Pháp thí yếu lục*,...), văn chương (như *Bắc hành tạp lục*...), quân sự (như *Binh pháp tạp lục*...),...

Trong trường hợp này, không thể căn cứ vào biểu hiện qua tên gọi của tác phẩm để xác định thể loại. Chẳng hạn, cùng có chữ "thông lục" trong tên gọi, nhưng *Bắc sứ thông lục* là một tập hợp những ghi chép (có giá trị lịch sử, văn hoá, ngoại giao, văn học,...) trên đường đi sứ, *còn Lí âm thông lục* lại là một cẩm nang về y học; cùng có chữ "bí lục" trong tên gọi, nhưng nếu *Đậu chứng bí lục* là những ghi chép y học về bệnh đậu mùa (kèm thông tin về một số loại bệnh khác), thì *Tây dương Gia tô bí lục* là ghi chép tôn giáo, ghi lại những điều bí ẩn về nguồn gốc và sự truyền bá của đạo Gia Tô...

Trong lịch sử, việc sử dụng chữ *lục* 錄 trong tên một số tác phẩm dần phát triển theo hướng như là một chỉ dấu thể hiện thể loại, dần định hình những đặc điểm đặc thù của thể loại đó, như: *bảo lục* (có nội dung gắn với tín ngưỡng, tôn giáo), *ngữ lục* (ghi chép lại lời dạy, bài giảng, hoặc đối thoại của các nhân vật quan trọng, đặc biệt là các bậc thầy trong các tôn giáo và triết học, như các vị Thiền sư), *thực lục* (những ghi chép lịch sử, thường theo lối biên niên), *tiểu lục* (một loại hình văn bản phi hư cấu, ghi lại những tri thức, quan điểm, cảm nhận về những sự vật, sự kiện, nhân vật,... cụ thể),...

***

Sự hình thành các thể loại văn học là một quá trình phức tạp, liên tục và mang tính tự nhiên, phản ánh sự sáng tạo không ngừng của con người trong việc tìm kiếm và thể hiện cái chân – thiện – mĩ trong cuộc sống. Các thể loại văn học không chỉ được định hình bởi những tác phẩm nổi bật mà còn bởi sự thay đổi trong nhu cầu, thị hiếu và tình hình xã hội của mỗi thời đại. Sự hình thành và phát triển của các thể loại văn học cũng phản ánh sự đa dạng và phong phú của nền văn học thế giới, cũng như khả năng sáng tạo vô hạn của con người. Sự hình thành một số thể loại từ thể lục cũng diễn ra theo quy luật như vậy.

05/08/2024

Tài liệu tham khảo:

1. Trần Nghĩa, François Gros chủ biên, *Di sản Hán Nôm Việt Nam: Thư mục đề yếu*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1993.
2. 齐大卫, 魏守忠主编:《写作词典》, 学苑出版社出版1999年.

ĐỒNG HÀNH CÙNG CT&SGK

Khi thực hiện kĩ năng đọc hiểu văn bản truyện, điểm nhìn trần thuật là một yếu tố quan trọng giúp học sinh nhận ra được cách tổ chức, kết cấu cốt truyện, dụng ý nghệ thuật của nhà văn trong việc kể chuyện.

Để phục vụ cho chủ điểm *Câu chuyện và điểm nhìn trong truyện kể* (Bài 1, *Ngữ văn 11*, tập một, bộ *Kết nối tri thức với cuộc sống*); chủ điểm *Sống với biển rừng bao la* (Bài 6, *Ngữ văn 11*, tập hai, bộ *Chân trời sáng tạo*), cũng như bổ trợ cho việc rèn kĩ năng đọc hiểu văn bản truyện, chúng ta cùng tìm hiểu nội dung này qua bài viết của tác giả Trần Lê Duy dưới đây nhé...

Xác định điểm nhìn trần thuật khi đọc hiểu văn bản truyện

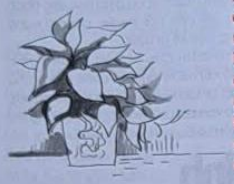
ThS. Trần Lê Duy

GV. Khoa Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh

VỀ KHÁI NIỆM ĐIỂM NHÌN TRẦN THUẬT VÀ CÁCH PHÂN LOẠI

Nhìn chung, các công trình nghiên cứu về tự sự học hiện nay có sự đồng thuận về khái niệm điểm nhìn trần thuật. *The Concise Oxford Dictionary of Literary Terms* định nghĩa: Điểm nhìn trần thuật là *"vị trí hoặc điểm thuận lợi mà từ đó các sự kiện của câu chuyện dường như được quan sát và trình bày cho chúng ta"*. *The Routledge Dictionary of Literary Terms*: Điểm nhìn trần thuật là *"một thuật ngữ được sử dụng trong lí thuyết và phê bình văn học của thế kỉ 20 để chỉ vị trí mà một câu chuyện được kể"*. *Từ điển thuật ngữ văn học*: Điểm nhìn trần thuật là *"vị trí mà từ đó người trần thuật nhìn ra và miêu tả sự vật trong tác phẩm"*. Như vậy, theo các quan điểm nghiên cứu về tự sự học, điểm nhìn trần thuật là vị trí, góc nhìn mà câu chuyện được kể; hay nói cách khác, nhấn mạnh vị trí của người kể chuyện trong tương quan với câu chuyện. Nói đến "điểm nhìn trần thuật" là nói đến điểm nhìn của người kể chuyện, chứ không phải "điểm nhìn của nhân vật" hay góc nhìn, quan điểm của tác giả.

Xét trên vị trí của người kể chuyện với câu chuyện, có thể chia ra điểm nhìn ngôi thứ nhất (first – person narrative) và điểm nhìn ngôi



Xét trên phương diện mức độ hiểu biết của người kể chuyện với câu chuyện, có thể chia người kể chuyện toàn tri và người kể chuyện hạn tri. Người kể chuyện toàn tri: người kể chuyện thấu suốt tất cả mọi việc, đọc được ý nghĩ của tất cả nhân vật. Người kể chuyện hạn tri: tầm hiểu biết của người kể chuyện chỉ giới hạn trong tầm hiểu biết của một nhân vật.

thứ ba (third – person narrative). Điểm nhìn ngôi thứ nhất: người kể chuyện tham gia vào câu chuyện và xưng "tôi" (hoặc các từ chỉ ngôi thứ nhất tương đương với "tôi"). Điểm nhìn ngôi thứ ba: người kể chuyện không tham gia vào câu chuyện và không xưng "tôi" khi kể.

Xét trên phương diện mức độ hiểu biết của người kể chuyện với câu chuyện, có thể chia người kể chuyện toàn tri và người kể chuyện hạn tri. Người kể chuyện toàn tri: người kể chuyện thấu suốt tất cả mọi việc, đọc được ý nghĩ của tất cả nhân vật. Người kể chuyện hạn tri: tầm hiểu biết của người kể chuyện chỉ giới hạn trong tầm hiểu biết của một nhân vật.

Như vậy, người kể chuyện theo điểm nhìn ngôi thứ nhất thường là hạn tri (giới hạn tầm hiểu biết trong tầm hiểu biết nhân vật "tôi" – cũng là người kể chuyện).

Người kể chuyện theo điểm nhìn ngôi thứ ba, có thể có hai trường hợp:

Người kể chuyện theo điểm nhìn ngôi thứ ba toàn tri: người kể chuyện không tham gia vào câu chuyện, không xưng "tôi", thấu suốt toàn bộ câu chuyện, đọc được suy nghĩ từ hai nhân vật trở lên.

Trong đoạn mở đầu truyện ngắn *Chí Phèo* (chi tiết tiếng chửi) nói riêng và toàn bộ tác phẩm *Chí Phèo* nói chung, điểm nhìn trần thuật là điểm nhìn ngôi thứ ba toàn tri. Ở đoạn mở đầu, người kể chuyện không xưng "tôi", không tham gia vào câu chuyện, có thể thấu suốt hiểu biết, suy nghĩ của cả nhân vật Chí Phèo và nhân vật người làng Vũ Đại. Ở đây, có thể thấy rõ vai trò của người kể chuyện ngôi thứ ba toàn tri trong việc tạo nên tính đối thoại trong đoạn văn này. Dưới sự dẫn dắt của người kể chuyện, người đọc vừa có thể nhận ra giọng điệu, suy nghĩ của Chí Phèo, vừa nhận ra giọng điệu, suy nghĩ của người làng Vũ Đại,

và cả giọng kể chuyện lạnh lùng, có phần khinh bạc của chính người kể chuyện. Cần nhấn mạnh, trong trường hợp này, điểm nhìn ngôi thứ ba toàn tri cho phép người kể chuyện và người đọc hiểu được suy nghĩ, góc nhìn của các nhân vật, chứ không phải là sự "luân phiên điểm nhìn nhân vật".

Người kể chuyện theo điểm nhìn ngôi thứ ba hạn tri: người kể chuyện không tham gia vào câu chuyện, không xưng "tôi", không thấu suốt toàn bộ câu chuyện, chỉ giới hạn trong tầm hiểu biết, đọc được suy nghĩ của duy nhất một nhân vật.

Truyện *Hai đứa trẻ* (Thạch Lam), người kể chuyện ngôi thứ ba hạn tri, giới hạn trong tầm hiểu biết của nhân vật Liên (người kể chuyện nhìn và kể câu chuyện qua "đôi mắt" của Liên). Truyện *Làng* (Kim Lân), người kể chuyện ngôi thứ ba hạn tri giới hạn trong tầm hiểu biết của nhân vật ông Hai. Truyện *Muối của rừng* (Nguyễn Huy Thiệp), người kể chuyện ngôi thứ ba hạn tri giới hạn trong tầm hiểu biết của nhân vật ông Diều. Cả ba trường hợp nêu trên, đều là điểm nhìn của người kể chuyện, không phải "điểm nhìn nhân vật". Không phải nhân vật Liên, ông Hai hay ông Diều kể lại câu chuyện, mà là một tiếng nói bên ngoài câu chuyện nhìn vào các sự kiện để kể, kể thông qua "đôi mắt" của nhân vật. Cách lựa chọn điểm nhìn này vừa đảm bảo câu chuyện được kể một cách linh hoạt, có tính chất khách quan, nhưng đồng thời vẫn có điểm tựa để người đọc khám phá nội tâm nhân vật.

CÁCH XÁC ĐỊNH ĐIỂM NHÌN TRẦN THUẬT TRONG VĂN BẢN TỰ SỰ

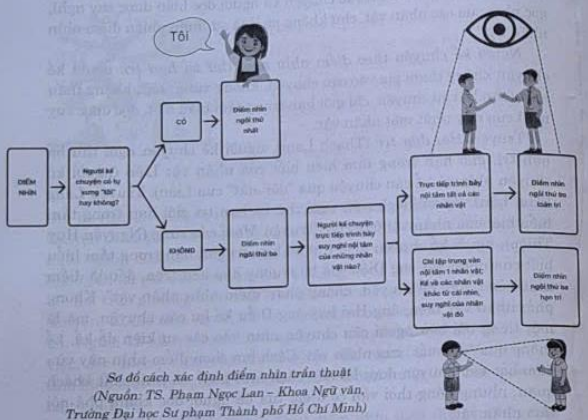
Để xác định được điểm nhìn trong văn bản tự sự, điều quan trọng là cần chú ý vào người kể chuyện, tránh nhầm lẫn, đồng nhất người kể chuyện với tác giả, và tránh nhầm lẫn điểm nhìn trần thuật (của người kể chuyện) với góc nhìn, quan điểm của từng nhân vật.

Tập trung vào người kể chuyện, ta xác định điểm nhìn trần thuật theo hai bước như sau:

Bước 1: Xác định điểm nhìn trần thuật dựa vào vị trí của người kể chuyện với câu chuyện bằng cách trả lời câu hỏi: người kể chuyện có dùng ngôi thứ nhất (xưng "tôi", "em",...) để nói về bản thân mình? Người kể chuyện có tham gia vào câu chuyện hay không?

Bước 2: Xác định điểm nhìn trần thuật dựa vào mức độ hiểu biết của người kể chuyện với câu chuyện bằng cách trả lời câu hỏi: tầm hiểu biết của người kể chuyện giới hạn trong một nhân vật hay nhiều hơn một nhân vật?

Các bước thực hiện xác định điểm nhìn trần thuật được tóm tắt trong sơ đồ dưới đây:



Sơ đồ cách xác định điểm nhìn trần thuật
(Nguồn: TS. Phạm Ngọc Lan – Khoa Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh)

Ví dụ 1: *Chiều sương* (Bùi Hiển)

Truyện ngắn *Chiều sương* có kết cấu truyện lồng truyện, với hai vòng truyện: vòng truyện bên ngoài kể về cuộc gặp gỡ giữa chàng trai và lão Nhiệm Bình; vòng truyện bên trong kể về câu chuyện thuyền vượt bão và gặp thuyền ma. Với mỗi vòng truyện này sẽ có một người kể chuyện, một điểm nhìn trần thuật tương ứng.

Vòng truyện ngoài, người kể chuyện kể theo điểm nhìn ngôi thứ ba hạn tri, tầm hiểu biết giới hạn trong nhân vật chàng trai. Vòng truyện trong (giả định là câu chuyện do lão Nhiệm Bình kể lại), người kể chuyện ngôi thứ ba hạn tri, giới hạn trong tầm hiểu biết của lão Nhiệm Bình thời trẻ. Như vậy, giữa hai vòng truyện có sự luân phiên điểm nhìn của hai người kể chuyện, tạo ra tính chất "đối thoại" giữa góc nhìn của chàng trai và góc nhìn của lão Nhiệm Bình, làm bật lên ý nghĩa của các chi tiết kì ảo, ma quái, mà thực chất là suy nghiệm về mối quan hệ giữa con người và biển cả.

Ví dụ 2: *Hai quan niệm về gia đình và xã hội* (trích *Số đỏ*, Vũ Trọng Phụng)

Ở văn bản này, người kể chuyện theo điểm nhìn ngôi thứ ba toàn tri. Dấu hiệu "toàn tri" thể hiện ở chỗ người kể chuyện có thể đọc cả suy nghĩ của nhân vật Xuân Tóc Đỏ (chẳng hạn *Xuân Tóc Đỏ đã hiểu rõ cái địa vị mình rằng trong cuộc Âu hoá, trong cái việc cải cách xã hội, nó chỉ là một anh loong toong,...*), nhân vật ông Typn (*Nhưng nhà mĩ thuật lại hiểu câu ấy theo ý riêng chứ không phải do lòng ghen tuông*), nhân vật ông nhà báo (*Ông này cho đó là cơn ghen đích đáng của những nhà nghệ sĩ chân chính (những nhà nghệ sĩ là hay cả ghen lắm)*). Điểm nhìn ngôi thứ ba toàn tri cho phép người kể chuyện thấu suốt tất cả mọi ngóc ngách trong suy nghĩ của nhân vật, là điểm thuận lợi để khéo léo vạch trần những mâu thuẫn giữa bên trong và bên ngoài, suy nghĩ và hành động, bản chất sự việc và những lời nói hoa mĩ, sáo rỗng,... để làm bật lên tính chất trào phúng trong văn bản.

Ví dụ 3: *Ở Vauxhall* (Trích *Hội chợ phù hoa*, William Thackeray)

Điểm nhìn của văn bản này rất đặc biệt, là điểm nhìn ngôi thứ nhất (người kể chuyện xưng "tôi") nhưng lại toàn tri, thấu suốt suy nghĩ, tâm lí của tất cả các nhân vật. Người kể chuyện ngôi thứ nhất còn trò chuyện, đối thoại, bàn luận với độc giả về quá trình kể câu chuyện (viết truyện), về các nhân vật, các tình tiết trong truyện (*Nhưng xin các bạn đọc đừng chờ đợi ở đây một cuốn truyện thuộc loại như vậy; đây chỉ là một câu chuyện gia đình và xin hãy bằng lòng với một chương kể chuyện Vauxhall, chương này ngắn ngủi lắm, đến nỗi không đáng gọi là một chương nữa*). Đây là một cách kể độc đáo, làm nên sự đối thoại giữa người kể chuyện và độc giả, tạo ra hiệu quả thẩm mĩ đặc biệt, người đọc được mời gọi tham gia vào quá trình kể chuyện, thâm nhập vào câu chuyện, giúp việc tiếp nhận câu chuyện trở nên hấp dẫn, lôi cuốn, thú vị hơn.

Theo các yêu cầu cần đạt của Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn 2018, ở lớp 10, học sinh chỉ cần xác định điểm nhìn trần thuật ở Bước 1, chỉ ra điểm nhìn ngôi thứ nhất hay ngôi thứ ba. Ở lớp 11 và 12, học sinh cần thực hiện cả Bước 1 và Bước 2, không chỉ nhận ra điểm nhìn ngôi thứ nhất/ngôi thứ ba, còn cần nhận ra tính chất toàn trí/ hạn trí của điểm nhìn. Trên cơ sở đó, học sinh có căn cứ để hiểu được dụng ý nghệ thuật của nhà văn trong việc sắp đặt, kết cấu câu chuyện, trong nghệ thuật kể chuyện và hiệu quả thẩm mĩ của các thủ pháp nghệ thuật trong việc kể chuyện, đánh giá được sự phù hợp giữa người kể chuyện và điểm nhìn với nội dung câu chuyện.

ĐỒNG HÀNH CÙNG CT&SGK

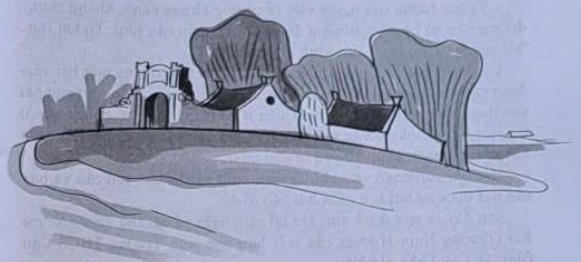
Viết bài văn/đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ là một yêu cầu cần đạt quan trọng ở cấp Trung học cơ sở, và đặc biệt là kì thi tuyển sinh vào lớp 10. Ở lớp 6 là yêu cầu viết đoạn văn ghi lại cảm xúc của mình sau khi đọc một bài thơ lục bát; lớp 7 là yêu cầu viết đoạn văn ghi lại cảm xúc của mình sau khi đọc một bài thơ bốn, năm chữ; lớp 8 là yêu cầu viết được đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tự do; lớp 9 là yêu cầu viết được đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tám chữ. Việc nắm vững kĩ năng về kiểu bài này không chỉ đòi hỏi sự hiểu biết về nội dung và nghệ thuật của bài thơ, mà còn yêu cầu học sinh phải biết cách lồng ghép cảm xúc và suy nghĩ cá nhân một cách hài hoà, tinh tế. Bài viết dưới đây sẽ hướng dẫn các em tìm hiểu kĩ năng khám phá giá trị nghệ thuật của một bài thơ để có thể viết được những bài văn, đoạn văn sâu sắc, giàu cảm xúc, vừa đảm bảo tính khách quan của phân tích, vừa truyền tải được cảm xúc chủ quan chân thành của người viết.

Cần sự hài hoà giữa yếu tố khách quan và chủ quan trong bài văn/đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ

PGS.TS. Nguyễn Văn Tùng

Đây là một kiểu bài thường gặp trong các đề thi tuyển sinh vào lớp 10. Trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018, kiểu bài này được học ở tất cả các lớp cấp Trung học cơ sở. Chính vì thế, việc đầu tư thời gian vào tìm hiểu lí thuyết và thực hành luyện tập rất quan trọng, giúp học sinh có được kĩ năng thành thạo, chủ động tự tin giải quyết các tình huống trong các kì thi, trong đó có kì thi tuyển sinh vào lớp 10 của các em.

Hiện nay, theo chỉ đạo mới, không sử dụng văn bản trong sách giáo khoa làm đề thi tuyển sinh, việc học văn theo lối học thuộc, học tủ không còn hiệu quả nữa, thậm chí còn gây tác dụng ngược. Muốn làm được bài thi, học sinh cần có năng lực thực sự trong việc đọc hiểu và viết văn. Các em phải có khả năng tiếp cận, đọc hiểu rất nhanh các văn bản sẽ xuất hiện trong các đề thi. Làm được điều này, các em mới có thể có "nguyên liệu" để viết thành bài làm văn hoàn chỉnh.



Tình hình đó đặt ra những vấn đề mới trong việc tổ chức dạy học. Tuy nhiên, ở bài viết này, tôi chủ yếu hướng tới đối tượng các bạn học sinh. Tôi muốn trao đổi cùng các em những điều cần lưu ý cũng như hướng dẫn kĩ năng khám phá giá trị nghệ thuật của các văn bản thơ để có thể viết thành những bài văn/đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ.

Trong mỗi bài văn/đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ, có hai yếu tố cấu thành quan trọng, tôi tạm quy ước là yếu tố khách quan của bài thơ và yếu tố chủ quan của người viết.

* Yếu tố khách quan của bài thơ chính là những nội dung học sinh trình bày sự khám phá của mình về các yếu tố nghệ thuật của tác phẩm thơ. Đó là các yếu tố như: Nhan đề, chủ đề của bài thơ, bố cục – mạch cảm xúc, thể thơ, những biện pháp tu từ, âm điệu, vần nhịp, hệ thống hình ảnh – biểu tượng, cảm hứng chủ đạo, thông điệp, ý nghĩa của bài thơ,...

* Yếu tố chủ quan của người viết bao gồm:

– Cảm xúc, tình cảm của người viết về tài năng của nhà thơ, về các yếu tố, chi tiết của bài thơ. Chẳng hạn, đó là sự cảm phục, yêu mến, rung cảm trước những cảm xúc có sức lan toả, tác động mạnh của bài thơ, trước sự điêu luyện của nhà thơ qua việc sử dụng hình ảnh – biểu tượng hoặc sử dụng ngôn ngữ, kiến tạo không gian, thời gian,–

– Liên tưởng của người viết bài về những sự vật, hiện tượng khác ngoài bài thơ đang được "cảm nghĩ". Đó là những câu chuyện, những con người, những tác phẩm khác được gợi ra từ bài thơ, thường diễn đạt bằng những mẫu câu như: Từ bài thơ "tôi chợt nhớ đến...", "tôi liên tưởng đến...",–

– Tưởng tượng của người viết về những khung cảnh, không gian,... được gợi ra từ bài thơ, thường dùng những mẫu câu như: Từ bài thơ... "tôi tưởng tượng ra...", "tôi hình dung...",...

Cái khác của một bài văn/đoạn văn phân tích thơ và một bài văn/đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về thơ chính là ở điểm này. Nếu như một bài văn/đoạn văn phân tích về thơ thiên lí trí (tức là yếu tố khách quan) thì một bài văn/đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về thơ cần sự hài hoà giữa hai yếu tố khách quan và yếu tố chủ quan.

Một bài văn/đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về thơ đạt yêu cầu và hay cần đạt được sự hài hoà giữa hai yếu tố đó.

Sau đây là một đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về bài thơ *Trong lời mẹ hát* (Trương Nam Hương) của một bạn học sinh Trường THCS Cầu Giấy, Q. Cầu Giấy, Hà Nội.

Quê là nơi chúng ta được sinh ra, nơi "chôn rau cắt rốn", còn mẹ là người sinh ra ta, nuôi dưỡng tuổi thơ, mang cho ta những kí ức tươi đẹp. Điều này phần nào được tác giả Trương Nam Hương truyền tải qua những lời thơ ngân nga của thi phẩm *Trong lời mẹ hát*. Tác phẩm viết về tình cảm, công ơn lớn lao của mẹ, xen lẫn trong đó là những hình ảnh quê hương bình dị, dịu êm. Nhân vật trữ tình là người con đã thấu hiểu sự vất vả và tình yêu của mẹ. Vì vậy, bố cục của bài thơ được chia làm hai phần rõ ràng, dựa trên những suy nghĩ của trẻ thơ về mẹ và quê hương, đất nước. Trước tiên, trong năm khổ thơ đầu, tác giả đã khắc hoạ một bức tranh phong cảnh thật giản dị, thơ mộng mà cũng đầy sắc màu qua lời ru tha thiết, ngọt ngào của mẹ. Lời ru ấy là cánh cò trắng, dải đồng xanh, là sắc vàng tô điểm trên giàn mướp mẹ trồng, là tiếng cối giã gạo đều đều khi ru con, hay hơn hết là *"Dòng sông lời mẹ ngọt ngào/ Đưa con đi cùng đất nước"*. Âm thanh ngọt ngào, dịu dàng trong lời ru của mẹ là ánh sáng, là ngọn đèn dẫn lối con trưởng thành, ngắm nhìn thế giới xung quanh. Trong hai khổ thơ tiếp theo, dường như người con đang đồng cảm với người mẹ tần tảo nuôi con. Trong mất con, mẹ là người phụ nữ cần cù, chịu thương chịu khó, chiếc áo đã bạc phếch theo tháng năm. Ở khổ thơ cuối, tác giả một lần nữa khẳng định sức nâng đỡ trong lời ru của mẹ: *"Mẹ ơi trong lời mẹ hát/ Có cả cuộc đời hiện ra/ Lời ru chắp con đôi cánh/ Lớn rồi con sẽ bay xa"*. Những lời mẹ ngọt ngào, thảo thơm chính là ngọn đèn chỉ lối cho con để một mai con trưởng thành, chín chắn, bay cao, vươn xa. Bài thơ đã giúp ta hiểu thêm về tình yêu, cuộc đời của mẹ. Về hình thức nghệ thuật, tác giả đã sử dụng thể thơ sáu chữ hiện đại cùng những từ ngữ giàu hình ảnh. Thêm vào đó, người nghệ sĩ tài hoa cũng sử dụng biện pháp nhân hoá, ẩn dụ, khiến tác phẩm như khoác lên mình một màu sắc tươi sáng, nhẹ nhàng nhưng cũng thật dạt dào, cảm xúc. Cá nhân tôi cho rằng, tác giả rất khéo léo khi lồng ghép các chi tiết ẩn dụ, nhân hoá xuyên suốt các đoạn thơ, nhằm làm nổi bật sự cần cù, hi sinh lớn lao của mẹ, qua đó bộc lộ tình yêu, sự biết ơn của mình tới người mẹ đã sinh thành, nuôi dưỡng và dạy bảo. Bài thơ *Trong lời mẹ hát* đã cho tôi một cái nhìn sâu sắc về sự khó nhọc, vất vả mà mẹ trải qua, từ đó bồi đắp nên tình cảm gia đình, tình yêu cội nguồn, quê hương, đất nước. Đọc *Trong lời mẹ hát*, tôi chợt nhớ tới bài thơ *Mẹ và con gái* của Nguyễn Thuỷ. Nếu bài thơ của Nguyễn Thuỷ là trang thơ mang màu sắc vui tươi, nhẹ nhàng thì *Trong lời mẹ hát* lại có những chiều sâu, suy ngẫm. Qua đó, ta cảm nhận được tâm hồn nghệ thuật sâu lắng của Trương Nam Hương, chất trữ tình trong phong cách sáng tác của nhà thơ. *Trong lời mẹ hát* sẽ mãi là thi phẩm để lại ấn tượng sâu sắc trong lòng độc giả.

Trần Nguyễn Minh Hà

Lớp 8A1, THCS Cầu Giấy, Q. Cầu Giấy, Hà Nội

GIÚP BẠN ÔN THI

Đề khảo sát chất lượng đầu năm

môn Ngữ văn – lớp 8

(Thời gian làm bài: 120 phút)

Đỗ Thu Hương

GV, Trường THCS Phan Chu Trinh, Q. Ba Đình, Hà Nội

PHẦN I – ĐỌC HIỂU *(4.0 điểm)*

Đọc kĩ văn bản sau:

Từng chùm phượng vĩ sáng rực góc sân trường giữa cái nắng chói chang của mùa hè. Cánh hoa xoè ra như những cánh bướm rập rờn. Tôi vẫn hay lấy cánh phượng xếp lại thành hình trái tim, xâu thành chuỗi đội lên đầu hoặc đeo vào cổ...

"Thanh Minh", chợt nghe cô giáo nhắc đến tên, tôi giật mình "dạ" rõ to. Tôi ngước nhìn lên bục giảng... chết rồi, không biết cô hỏi gì? Lạ chưa, cô lại nhìn tôi mỉm cười giữa tiếng cười ran của cả lớp. Còn đang ngơ ngác, không hiểu sao các bạn lại nhìn tôi cười... không biết cô hỏi gì khi đầu óc tôi ngồi trong lớp mà bay ra ngoài cửa sổ. Đang lo lắng thì tôi lại thấy cô quay ra phía bạn Ngọc Long nói tiếp: "Thanh minh là thú tội...". Trời đất, tôi chợt nhận ra, cô đang nói với bạn Ngọc Long giúp bạn thoát khỏi những vướng mắc nghịch ngợm mà mấy hôm trước bạn gây ra... vậy mà lại cứ tưởng cô gọi tôi.

Tuổi mười ba, mười bốn, với con trai thì nghịch ngợm, bướng bỉnh. Còn với con gái có vẻ như bắt đầu biết thẹn thùng và đôi lúc tâm hồn cũng bay bổng đi đâu ấy... Hình như cô biết tâm lí tuổi đó nên đã không mắng tôi... nhưng từ đó tên tôi đã được gắn thêm "Thanh Minh là thú tội".

Lớp tôi là lớp chuyên đầu tiên của trường. Các bạn đều là những học sinh giỏi từ các lớp được chọn về. Các bạn học đồng đều các môn, là lớp ngoan nhất của khối nhưng thỉnh thoảng cũng lắm trò tinh nghịch "nhất quỷ, nhì ma, thứ ba học trò" chả sai tí nào... Những trò nghịch ngợm của chúng tôi đều không qua được mắt cô. Có lẽ cô đã trải qua thời học sinh, bao nhiêu năm trong nghề nên cô nắm rõ tâm lí học sinh. Tôi kính trọng cô, một cô giáo có ánh mắt, nụ cười nồng ấm, thân thiện, mũi dọc dừa, cao và gọn, có lẽ vì thế mà các thầy cô và lũ học trò chúng tôi gọi cô là: "cô An tây". Cô An tây là chủ nhiệm và dạy lớp tôi môn Toán. Nhớ một lần trong tiết Toán, cô trả bài kiểm tra mười lăm phút dựng hình... Thật xấu hổ, bài tôi được hai điểm. Khi trả bài, cô lại gần tôi và nhắc khẽ: "Toán dựng hình mà em", [...]. Tôi vẫn không hiểu tôi sai ở đâu, đến khi một bạn lên chữa bài trên bảng... Thôi chết rồi... bài tôi làm là nguyên những gì cô giảng, tôi viết ra thành lời như một bài văn. Mặt nóng bừng, tôi cảm tưởng như có hàng nghìn ánh mắt đang đổ dồn về phía tôi, nhìn tôi rồi cười... Lúc đó, tôi chỉ mong sao đất dưới chân nứt ra để tôi chui xuống...

Có lẽ tuổi học trò, không ai là không có kỉ niệm để khi nhìn lại ta nở một nụ cười, kỉ niệm mãi theo ta đi suốt cuộc đời... Giờ đây sau nhiều năm, mái tóc cô đã phai sương, còn chúng tôi đã bắt đầu điểm bạc, mỗi người mỗi công việc ngành nghề khác nhau nhưng mái trường, thầy cô là nơi đã nuôi dưỡng chúng tôi trên con đường tri thức, là bước đệm để chúng tôi đi trên con đường mình đã lựa chọn. Cảm ơn những kỉ niệm để cho ta còn lưu giữ mãi...

27/12/2022 – CTM

(*Theo* Thanh Minh, *Tản mạn tuổi học trò*, Tạp chí *Văn hoá và Phát triển* – Viện Nghiên cứu Văn hoá và Phát triển)

Thực hiện các yêu cầu bên dưới:

Câu 1 *(0.5 điểm)*: Chỉ ra phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong văn bản.

Câu 2 *(0.5 điểm)*: Những kỉ niệm nào được tác giả kể lại trong văn bản?

Câu 3 *(1.0 điểm)*: Trong văn bản trên, dấu ba chấm (...) được sử dụng bao nhiêu lần? Việc sử dụng nhiều lần ở những vị trí khác nhau trong câu đã phát huy được những tác dụng gì của dấu câu này?

Câu 4 *(1.0 điểm)*: Câu văn: *"Mặt nóng bừng, tôi cảm tưởng như có hàng nghìn ánh mắt đang đổ dồn về phía tôi, nhìn tôi rồi cười... lúc đó, tôi chỉ mong sao đất dưới chân nứt ra để tôi chui xuống..."* diễn tả cảm xúc, suy nghĩ gì của nhân vật "tôi"? Đây là cách diễn tả trực tiếp hay gián tiếp? Tại sao nhân vật "tôi" lại có những cảm xúc, suy nghĩ ấy?

Câu 5 *(1.0 điểm)*: Tác giả gửi thông điệp gì đến bạn đọc qua đoạn cuối của văn bản?

PHẦN II – VIẾT *(6.0 điểm)*

Câu 1 *(2 điểm)*: Nhân vật "cô An tây" (trong văn bản ở phần I) là một phần của những kỉ niệm tuổi học trò mà "tôi" còn lưu giữ mãi và mãi theo "tôi" đi suốt cuộc đời.

Hãy viết một đoạn văn (khoảng 7 câu) ghi lại cảm nghĩ của em về "cô An tây". Trong đoạn văn có sử dụng trạng ngữ được mở rộng bằng một cụm từ, gạch chân trạng ngữ đó.

Câu 2 *(4 điểm)*: Có ý kiến cho rằng: *Khi các thiết bị nghe nhìn hiện đại ngày càng phát triển, việc đọc sách giấy sẽ không còn cần thiết nữa.*

Em có đồng ý với ý kiến trên không? Hãy viết bài văn (không quá 2 trang giấy) trình bày suy nghĩ của em về vấn đề được nêu trong ý kiến trên.

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

PHẦN I – ĐỌC HIỂU *(4.0 điểm)*

Câu 1. Phương thức biểu đạt chính trong văn bản: Tự sự.

Câu 2. Những kỉ niệm được tác giả kể lại: giật mình khi nghe cô giáo nhắc đến tên, được hai điểm bài kiểm tra môn Toán.

Câu 3. Trong văn bản, dấu ba chấm (...) xuất hiện 15 lần.

Tác dụng:

– Diễn tả ý: còn nhiều điều chưa nhớ hết, không liệt kê hết (phù hợp với việc hồi tưởng kí ức).

– Hỗ trợ diễn tả những cảm xúc khác nhau của nhân vật Thanh Minh khi nhớ lại kỉ niệm lần trả bài kiểm tra.

– Giãn nhịp điệu câu văn (chậm lại, lắng xuống) khi suy ngẫm về kỉ niệm tuổi học trò.

Câu 4. Câu văn:

– Diễn tả sự xấu hổ đến mức muốn trốn chạy của nhân vật "tôi" khi bị điểm 2 vì đã phạm lỗi sai khi làm bài kiểm tra Toán.

– Đó là cách diễn tả trực tiếp.

– Nhân vật "tôi" có những cảm xúc, suy nghĩ ấy vì đã nhận ra mình phạm sai lầm một cách ngây ngô đến mức ngớ ngẩn, và không thể lí giải lí do.

Câu 5. Học sinh có thể đưa ra những thông điệp khác nhau, nhưng cần bám sát và phù hợp với nội dung, ý nghĩa của văn bản. Phải nêu được ít nhất 02 thông điệp.

* Gợi ý một vài thông điệp gần gũi:

– Tuổi thơ với những năm tháng học trò là cả một khoảng trời kỉ niệm cần được lưu giữ trong yêu thương.

– Thầy cô, mái trường không chỉ là tuổi thơ của mỗi người mà còn là bước đệm chắc chắn cho những chặng đường đời mà mỗi người sẽ đi qua.

– Hãy biết trân trọng, gìn giữ những kỉ niệm đẹp của tuổi thơ bởi nó có sức nâng đỡ và toả sáng diệu kì trên mỗi chặng đường đời của con người.

PHẦN II – VIẾT *(6.0 điểm)*

Câu 1. Đoạn văn có thể trình bày theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo dung lượng (7 câu), bố cục phù hợp, diễn đạt mạch lạc, liên kết chặt chẽ. Cần gạch chân thành phần trạng ngữ được mở rộng bằng một cụm từ. Học sinh cần nêu được cảm nghĩ phù hợp về nhân vật "cô An tây" trong văn bản, cảm nhận được tình cảm của người viết dành cho nhân vật.

* Một vài gợi ý:

– Đưa ra cảm nghĩ phù hợp về nhân vật "cô An tây": tò mò về cách dạy học, rèn học sinh của cô; yêu thích cách giải quyết vấn đề của cô; mong muốn được một lần trải nghiệm những giờ học thú vị;...

– Nêu được tình cảm yêu mến, quý trọng của người viết dành cho "cô An tây"

– Đưa ra suy nghĩ, tình cảm dành cho nhân vật nói riêng và những người thầy giáo, cô giáo nói chung.

Lưu ý: Bài viết cần có cách biểu cảm độc đáo, từ ngữ khơi gợi lòng đồng cảm nơi người đọc.

Câu 2. Bài làm cần có bố cục đầy đủ ba phần: Mở bài, Thân bài, Kết bài. Xác định luận điểm hợp lí; nêu ý kiến xác đáng; lựa chọn bằng chứng phù hợp, đa dạng, thuyết phục; lí lẽ linh hoạt, hiệu quả; lập luận chặt chẽ. Sau đây là một hướng làm bài:

1. Giải thích

– "Thiết bị hiện đại" là những gì? (ti vi, máy tính, điện thoại... có kết nối internet ➡ cung cấp lượng thông tin khổng lồ, hấp dẫn, tiện lợi).

– "Sách giấy" là gì? (sách, truyện, tác phẩm nghệ thuật... được in ấn, lưu hành bằng giấy ➡ lâu đời, quen thuộc).

➡ Thời hiện đại, nhiều loại sách điện tử hữu dụng ra đời, là nguy cơ cho sự tồn tại của sách giấy.

2. Bàn luận

Trước hết, học sinh cần đưa ra quan điểm của bản thân đồng tình hay không đồng tình với ý kiến. Khi không đồng tình với ý kiến, học sinh có thể trình bày theo hướng khẳng định ý nghĩa của việc đọc sách giấy:

– Sách giấy: phổ biến, quen thuộc với mọi đối tượng, thân thiện với môi trường, lưu trữ thông tin lâu dài.

– Đọc sách giấy: phát triển tư duy suy ngẫm, hình dung tưởng tượng; tác động lâu dài đến tâm lí, tình cảm của người đọc; giữ cho mắt khoẻ mạnh lâu hơn; giúp ích không nhỏ trong việc hình thành thói quen tốt;...

– Đối với giới trẻ, đọc sách giấy rèn thói quen sống chậm lại, quan sát nhiều hơn, suy nghĩ sâu xa hơn.

3. Mở rộng

– Nhận thức: giá trị to lớn của việc đọc sách giấy.

– Hành động: rèn thói quen đọc sách, bắt đầu từ việc học.

– Bày tỏ được cách nhìn riêng, cách nghĩ, cách đánh giá... phù hợp đối với nhận định.

Đề thi chọn học sinh giỏi lớp 9

môn Ngữ văn – Thừa Thiên Huế

(Thời gian làm bài: 120 phút)

ThS. Tôn Nữ Quỳnh My
CV. Sở GD&ĐT Thừa Thiên Huế

Câu 1 *(8,0 điểm)*

Đọc kĩ hai ý kiến sau:

– Ý kiến thứ nhất: *Trước khi làm việc gì, tôi chỉ nghĩ đến thành công.*

– Ý kiến thứ hai: *Trước khi làm việc gì, tôi nghĩ đến thất bại.*

Em suy nghĩ như thế nào về hai ý kiến trên?

Em sẽ nghĩ đến điều gì khi bắt đầu những việc quan trọng trong đời mình?

Hãy trả lời các câu hỏi trên bằng một bài văn hoàn chỉnh.

Câu 2 *(12,0 điểm)*



Trong tác phẩm *Chiếc lá cuối cùng* của nhà văn Mỹ O' Henry, nhân vật cụ Behrman đã vẽ chiếc lá thường xuân lên tường trong đêm chiếc lá thật cuối cùng rơi xuống. Cô hoạ sĩ Johnsy, vì tưởng chiếc lá thường xuân vẫn kiên cường vượt qua mưa gió, nên đã vực dậy tinh thần, vượt lên bệnh tật để hồi sinh đời mình.

Từ những chi tiết trên, em có suy nghĩ gì về nghệ thuật nói chung và văn học nói riêng?

Bằng trải nghiệm văn học, qua một tác phẩm đã học trong Chương trình Ngữ văn THCS, em hãy viết một bài văn làm rõ những suy nghĩ đó của mình.

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

Câu 1 *(8,0 điểm)*

A. Yêu cầu về kĩ năng

– Nắm vững phương pháp làm bài văn nghị luận xã hội.

– Đáp ứng các yêu cầu về văn phong.

– Bố cục chặt chẽ, lí lẽ xác đáng, dẫn chứng tiêu biểu, phù hợp.

– Không mắc các lỗi diễn đạt; chữ viết cẩn thận, bài làm sạch sẽ.

B. Yêu cầu về kiến thức

Đây là một dạng đề mở, người viết có thể trình bày suy nghĩ từ nhiều góc độ và quan điểm khác nhau, nhưng cần phải thể hiện rõ quan điểm của mình về hai ý kiến đã được đưa ra, từ đó phát triển thêm suy nghĩ cá nhân về vấn đề đang thảo luận.

Sau đây chỉ là một định hướng:

1. Về hai ý kiến đã cho

– *Ý kiến thứ nhất: Trước khi làm việc gì, tôi chỉ nghĩ đến thành công.* "Chỉ nghĩ đến thành công" là suy nghĩ thể hiện sự quyết tâm cao độ, khát khao mãnh liệt và ý chí kiên định hướng tới việc đạt được thành công.

– *Ý kiến thứ hai: Trước khi làm việc gì, tôi nghĩ đến thất bại.* "Nghĩ đến thất bại" là suy nghĩ chấp nhận khả năng gặp phải những tình huống không mong muốn, nhằm chuẩn bị cho mình các phương án xử lí hợp lí.

2. Bàn luận

– Ý kiến thứ nhất thể hiện sự nhiệt huyết, sôi nổi và khát khao, kì vọng mãnh liệt vào sự thành công. Chính bởi có sự khát khao này, mà con người sẽ nỗ lực hết sức mình để đạt được mục đích đặt ra. Tuy nhiên, vì quá kì vọng vào thành công, con người sẽ rất dễ tuyệt vọng nếu không đạt được ý nguyện. Điều này có thể dẫn đến khủng hoảng và đau khổ.

– Ý kiến thứ hai suy nghĩ về sự thất bại, thất bại là điều khó tránh khỏi, là tình huống có thể xảy ra dù không mong muốn. Nghĩ về thất bại là sự chuẩn bị cần thiết giúp con người không rơi vào tuyệt vọng khi không đạt được điều mình mong ước, đồng thời giữ được bình tĩnh trước những biến động của cuộc đời. Suy nghĩ này thể hiện sự từng trải, bản lĩnh và giàu trải nghiệm của con người.

3. Trình bày ý kiến của bản thân – bài học

Người viết cần thấy được những ưu điểm và hạn chế của hai ý kiến, từ đó nêu suy nghĩ của mình trước khi bắt đầu những việc quan trọng trong đời, những quan điểm của bản thân về thái độ sống cần có.

Có thể theo hướng sau:

– Con người cần nuôi dưỡng niềm đam mê và lòng nhiệt huyết để đạt được những thành công mình ao ước, hướng đến mục tiêu với tất cả ý chí quyết tâm. Điều này tạo động lực tiến lên, ngày càng hoàn thiện mình, sống có ý nghĩa và góp phần vào sự phát triển của xã hội.

– Con người cũng cần chuẩn bị cho chính mình các kĩ năng, kiến thức để ứng xử với thất bại. Trước mỗi quyết định và công việc quan trọng, cần vạch ra nhiều phương án để chủ động ứng xử. Nghĩ đến thất bại nhưng không có nghĩa là nhụt chí, buông xuôi.

Câu 2 *(12,0 điểm)*

A. Yêu cầu về kĩ năng

– Bài viết có kết cấu ba phần: *Mở bài, Thân bài, Kết bài*; bố cục hợp lí, thuyết phục.

– Nắm được phương pháp làm bài văn nghị luận về một vấn đề văn học. Từ một tác phẩm cụ thể, một chi tiết cụ thể, người viết cần có sự khái quát để nhận ra đặc trưng, chức năng của nghệ thuật nói chung và văn học nói riêng. Từ đó, làm sáng tỏ thông qua việc phân tích một tác phẩm trong Chương trình Ngữ văn THCS.

– Đáp ứng các yêu cầu về văn phong.

– Bố cục mạch lạc, lí lẽ và dẫn chứng thuyết phục.

– Không mắc các lỗi diễn đạt; chữ viết cẩn thận, bài làm sạch sẽ.

B. Yêu cầu về kiến thức

Bài làm cần có sự kết hợp giữa kiến thức lí luận văn học và những hiểu biết cụ thể về tác giả, tác phẩm văn học để kiến giải, trình bày ý kiến của bản thân về một vấn đề lí luận văn học.

Sau đây là một số gợi ý:

1. Vấn đề cần giải quyết

Từ tác phẩm *Chiếc lá cuối cùng* của nhà văn Mỹ O' Henry, chi tiết người hoạ sĩ già vẽ chiếc lá thường xuân đã cứu sống một cô gái trẻ, người viết cần xác định được vấn đề: đặc trưng và chức năng của nghệ thuật nói chung và văn học nói riêng.

2. Bình luận

– "Chiếc lá thường xuân" còn mãi trên tường, do tay người hoạ sĩ vẽ nên, là tái hiện hình ảnh của bao chiếc lá thường xuân khác: Nghệ thuật nói chung và văn học nói riêng là sự phản ánh thế giới hiện thực. Hiện thực đời sống thông qua cái tôi chủ quan của tác giả đã thành hình, sống động trên các trang viết, đã trở thành các hình tượng nghệ thuật tái hiện đời sống con người.

– "Chiếc lá thường xuân" đã cứu mạng Johnsy, giúp cô vực dậy tinh thần để hồi sinh đời mình: Nghệ thuật nói chung và văn học nói riêng tác động đến nhận thức, tình cảm, tâm hồn của con người: đồng cảm, sẻ chia cùng nỗi đau; động viên, an ủi khi khó khăn; thúc đẩy con người tiến lên, tin tưởng vào cái đẹp, cái thiện; giúp cho con người tìm thấy ý nghĩa của cuộc sống,...

– "Chiếc lá thường xuân" thật đến mức không hề làm Johnsy mảy may nghi ngờ, luôn tin rằng đó là chiếc lá cuối cùng: Nghệ thuật nói chung và văn học nói riêng phải đảm bảo tính thẩm mĩ, phải hướng đến cái đẹp. Tác phẩm chỉ có thể tác động đến người đọc khi nó có sức hấp dẫn, cuốn hút. Có được điều đó chính nhờ tài năng và tâm huyết của người sáng tạo.

3. Phân tích một tác phẩm đã học trong Chương trình để làm rõ vấn đề

Người viết chọn phân tích một tác phẩm đã được học trong Chương trình Ngữ văn THCS để làm rõ vấn đề cần giải quyết.

Qua tác phẩm đó, chứng minh được:

– Tác phẩm phản ánh hiện thực cuộc sống, tái hiện được cuộc đời với tất cả sự đa dạng và phong phú của nó.

– Tác phẩm tác động đến nhận thức, tư tưởng, tâm hồn, cảm xúc con người, góp phần giúp con người sống tốt hơn, có ý nghĩa hơn.

– Tác phẩm thể hiện được tài năng nghệ thuật và những nét riêng độc đáo trong sáng tạo của tác giả.

** Đánh giá chung:*

– Tác phẩm nghệ thuật nói chung và văn học nói riêng mang trong mình sự sống và thúc đẩy sự sống ở con người.

– Tác phẩm có sức sống lâu bền chính nhờ tài năng và tâm huyết của người sáng tạo.

Lưu ý: Bài viết cần thể hiện được sự độc đáo, sáng tạo.

